

Trường :

Lớp :

Họ và tên :

Nam học : 20..... - 20.....

Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội

3



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VỞ BÀI TẬP TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

(Tái bản lần thứ bảy)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUỲ THAO

Biên soạn :

BÙI PHƯƠNG NGA (Chủ biên)

NGUYỄN TUYẾT NGA - NGUYỄN QUỲ THAO

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN THANH HUYỀN - NGUYỄN THỊ BÌNH

Biên tập tái bản :

LÊ THỊ HỒNG VÂN - TRƯƠNG ĐỨC KIÊN

Minh họa và trình bày :

BÙI QUANG TUẤN

Biên tập mỹ thuật :

TÀO THANH HUYỀN

Sửa bản in :

LÊ THỊ HỒNG VÂN - TRƯƠNG ĐỨC KIÊN

Chế bản :

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VỞ

1. Các bài tập trong *Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3* nhằm giúp học sinh lớp 3 thực hiện các hoạt động học tập độc lập và đa dạng trong các tiết học môn Tự nhiên và Xã hội ; rèn luyện cho học sinh các kĩ năng học tập, thực hành, củng cố và khắc sâu kiến thức.
2. Các dạng bài tập chủ yếu là :
 - * Nối hình vẽ (hoặc ô chữ) với hình vẽ (hoặc ô chữ) sao cho phù hợp.
 - * Đánh dấu x hoặc viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng ; chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai...
 - * Viết vào hoặc chỗ ... những từ hoặc câu phù hợp.
 - * Vẽ.
 - * Trả lời câu hỏi.

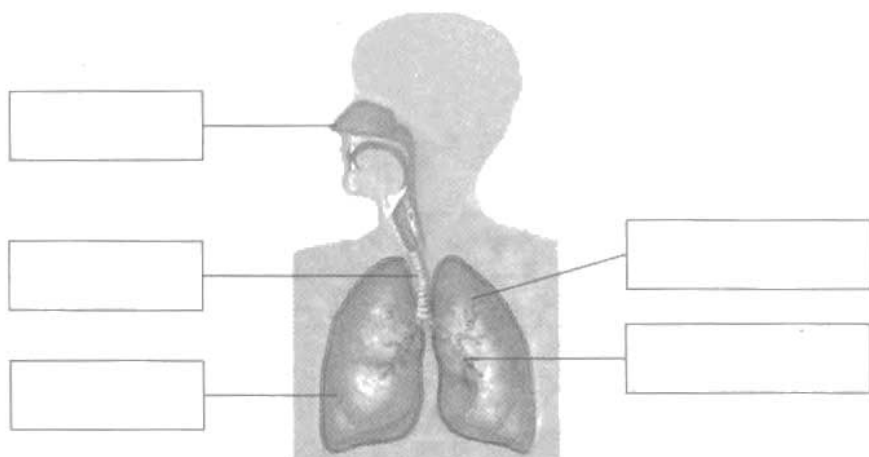
Bài 1 HOẠT ĐỘNG THỞ VÀ CƠ QUAN HÔ HẤP

1. Bạn hãy hít vào thật sâu và thở ra hết sức. Mô tả sự thay đổi của lồng ngực :

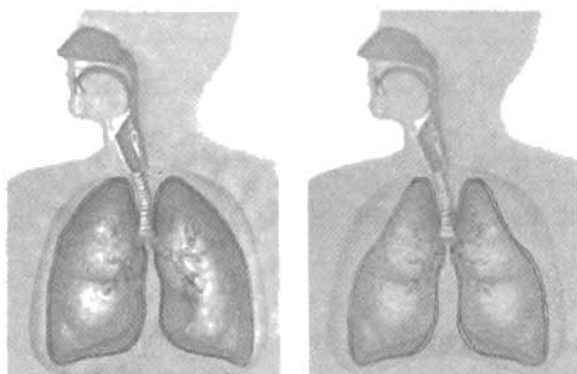
- Khi hít vào thật sâu :

- Khi thở ra hết sức :

2. Viết vào tên các bộ phận của cơ quan hô hấp.



3. Vẽ mũi tên chỉ đường đi của không khí trên sơ đồ.



4. Cơ quan hô hấp có chức năng gì ?

.....

Bài 2 NÊN THỞ NHƯ THẾ NÀO ?

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu đúng nhất.

* Nên thở bằng mũi mà không nên thở bằng miệng vì trong mũi có :

- ☐ Lông mũi giúp cản bớt bụi làm không khí vào phổi sạch hơn
- ☐ Các mạch máu nhỏ li ti giúp sưởi ấm không khí vào phổi
- ☐ Các chất nhầy giúp cản bớt bụi, vi khuẩn và làm ẩm không khí vào phổi
- ☐ Cả ba ý trên

2. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp.

a)

không khí, phổi, máu, các-bô-níc, ô-xi, thở ra.

Khi hít vào, khí có trong sẽ thấm vào máu ở phổi để đi nuôi cơ thể. Lúc, khí có trong sẽ được thải ra ngoài qua

b)

các-bô-níc, ô-xi, khói, bụi, vi khuẩn, ô nhiễm, các-bô-níc

Không khí trong lành là không khí chứa nhiều ; ít khí , Không khí chứa nhiều khí hoặc khói, bụi, vi khuẩn là không khí bị

3. Bạn cảm thấy thế nào khi được thở không khí trong lành ?

.....

4. Bạn cảm thấy thế nào khi phải thở không khí có nhiều khói, bụi ?

.....

Bài 3 VỆ SINH HÔ HẤP

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

a) Tập thở buổi sáng có lợi gì ?

☐ Buổi sáng sớm không khí thường trong lành, chứa nhiều khí ô-xi, ít khói, bụi,...

☐ Thở sâu vào sáng sớm sẽ hít thở được không khí sạch, hấp thu được nhiều khí ô-xi vào máu và thải được nhiều khí các-bô-níc ra ngoài qua phổi

☐ Cả hai ý trên

b) Hằng ngày, chúng ta cần làm gì để giữ sạch mũi, họng ?

☐ Cần lau sạch mũi

☐ Súc miệng bằng nước muối loãng hoặc các loại nước sát trùng khác

☐ Cả hai ý trên

2. Viết chữ N (nên làm) vào ☐ dưới các hình thể hiện việc nên làm, chữ K (không nên làm) vào ☐ thể hiện việc không nên làm.



Bài 4 PHÒNG BỆNH ĐƯỜNG HÔ HẤP

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

a) Bệnh nào dưới đây thuộc bệnh đường hô hấp ?

- | | |
|------------------------------------|--|
| ☐ Viêm họng | ☐ Đau mắt |
| ☐ Viêm mũi | ☐ Viêm phế quản |
| ☐ Viêm tai | ☐ Viêm khí quản |
| ☐ Viêm phổi | |

b) Khi bị viêm đường hô hấp, cơ thể thường có những biểu hiện gì ?

- | | |
|---|-----------------------------------|
| ☐ Ho | ☐ Đau bụng |
| ☐ Sốt | ☐ Đau họng |
| ☐ Thở khò khè hoặc khó thở | |

c) Nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến bệnh viêm đường hô hấp ?

- ☐ Do bị nhiễm lạnh
- ☐ Do ăn uống không hợp vệ sinh
- ☐ Do biến chứng của các bệnh truyền nhiễm (cúm, sởi,...)
- ☐ Do nhiễm trùng đường hô hấp

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

a) Chúng ta cần phải làm gì để phòng bệnh viêm đường hô hấp ?

- | | |
|---|---|
| ☐ Giữ ấm cơ thể | ☐ Giữ vệ sinh mũi, họng |
| ☐ Ăn uống đủ chất | ☐ Tập thể dục thường xuyên |
| ☐ Giữ nơi ở đủ ấm, thoáng khí, tránh gió lùa | |
| ☐ Thực hiện tất cả những việc trên | |

b) Những bộ phận nào của cơ thể đặc biệt cần giữ ấm để phòng bệnh viêm đường hô hấp ?

- | | |
|-------------------------------|--|
| ☐ Cổ | ☐ Hai bàn chân |
| ☐ Ngực | ☐ Tất cả các bộ phận trên |

Bài 5 BỆNH LAO PHỔI

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến bệnh lao phổi ?

- ☐ Do bị nhiễm lạnh
- ☐ Do một loại vi khuẩn gây ra
- ☐ Do biến chứng của các bệnh truyền nhiễm (cúm, sởi,...)
- ☐ Do nhiễm trùng đường hô hấp

b) Bệnh lao phổi có thể lây từ người bệnh sang người lành bằng con đường nào ?

- ☐ Đường hô hấp
- ☐ Đường tiêu hoá
- ☐ Đường máu

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

a) Vi khuẩn lao có thể tấn công và gây bệnh đối với những người nào ?

- ☐ Người khỏe mạnh có sức đề kháng cao
- ☐ Người ốm yếu có sức đề kháng kém
- ☐ Người ăn uống thiếu thốn, làm việc quá sức
- ☐ Người hút thuốc lá hoặc người thường xuyên hít phải khói thuốc lá

b) Người mắc bệnh lao thường có những biểu hiện gì ?

- ☐ Ho (có thể ho ra máu)
- ☐ Sốt nhẹ vào buổi chiều
- ☐ Ăn thấy ngon miệng
- ☐ Đau bụng
- ☐ Người gầy đi
- ☐ Ăn thấy không ngon

3. Viết chữ N (nên làm) vào ☐ dưới các hình thể hiện việc nên làm, chữ K (không nên làm) vào ☐ thể hiện việc không nên làm để phòng bệnh lao phổi.


☐

☐

☐

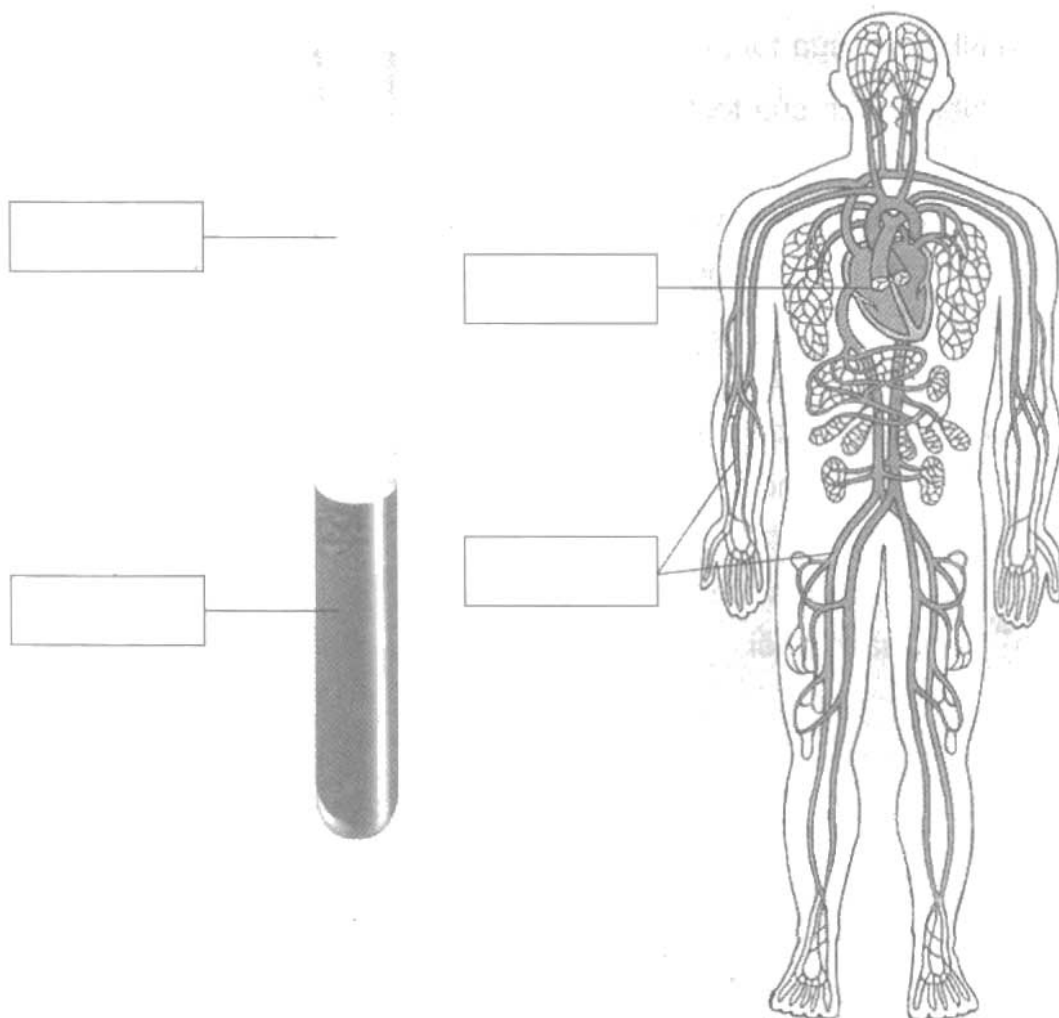
☐

☐

☐

Bài 6 MÁU VÀ CƠ QUAN TUẦN HOÀN

1. Viết tên các thành phần của máu và tên các bộ phận của cơ quan tuần hoàn vào cho phù hợp với từng hình.



2. Cơ quan tuần hoàn có chức năng gì ?

.....

.....

Bài 7 HOẠT ĐỘNG TUẦN HOÀN

1. Thực hành : Đếm nhịp tim và nhịp mạch.

a) Nhịp tim của tôi trong một phút là :

b) Nhịp mạch của tôi trong một phút là :

2. Viết các chữ a, b,... vào ☐ trên sơ đồ vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ cho phù hợp với lời ghi chú.

a) Tim

b) Động mạch chủ

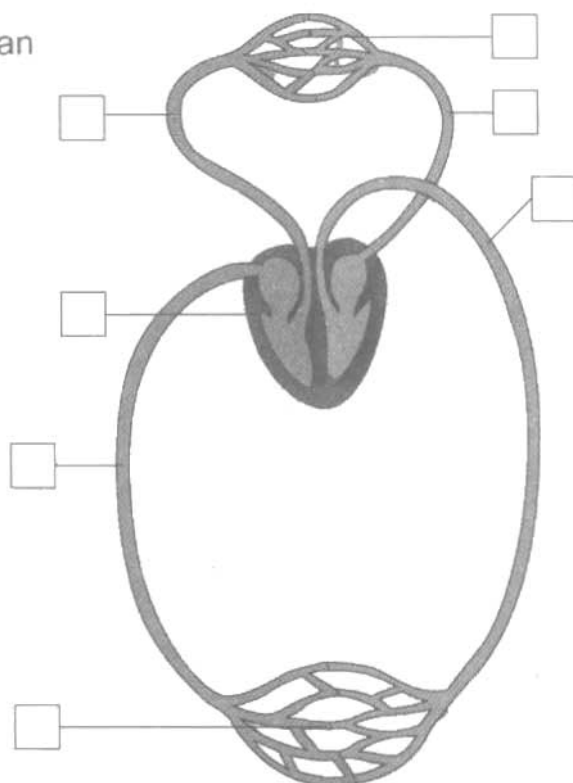
c) Mao mạch ở các cơ quan

d) Tĩnh mạch chủ

e) Động mạch phổi

g) Mao mạch ở phổi

h) Tĩnh mạch phổi



3. Vẽ mũi tên chỉ đường đi của máu trên sơ đồ vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ.

4. Hoàn thành bảng sau :

Các loại mạch máu	Chức năng
Động mạch	
Tĩnh mạch	
Mao mạch	

5. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

* Khi vẽ sơ đồ vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ, có thể tô màu như sau :

- ☐ Tất cả động mạch tô màu đỏ
- ☐ Động mạch phổi tô màu xanh
- ☐ Động mạch chủ tô màu đỏ
- ☐ Tất cả tĩnh mạch tô màu xanh
- ☐ Tĩnh mạch chủ tô màu xanh
- ☐ Tĩnh mạch phổi tô màu đỏ

Bài 8 VỆ SINH CƠ QUAN TUẦN HOÀN

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Tim của người ngừng đập khi nào ?

☐ Khi ngủ

☐ Khi nghỉ ngơi

☐ Khi không còn sống

b) Theo bạn những hoạt động nào dưới đây sẽ có lợi cho tim và mạch ?

☐ Vui chơi vừa sức

☐ Làm việc nặng

☐ Tập thể thao quá sức

c) Theo bạn những trạng thái nào dưới đây sẽ có lợi cho tim và mạch ?

☐ Quá vui

☐ Quá hồi hộp hoặc xúc động mạnh

☐ Tức giận

☐ Bình tĩnh, vui vẻ, thư thái

2. Nên làm gì, không nên làm gì để bảo vệ tim và mạch ?

- Nên :

.....

- Không nên :

.....

3. Viết vào chỗ ... những từ phù hợp với các câu sau :

a) Các loại thức ăn như :,,,,

..... đều có lợi cho tim mạch.

b) Các thức ăn chứa nhiều chất béo như mỡ động vật, các chất kích thích như,, không có lợi cho tim mạch.

Bài 9 PHÒNG BỆNH TIM MẠCH

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Bệnh nào dưới đây không phải là bệnh tim mạch ?

- ☐ Huyết áp cao
- ☐ Lao
- ☐ Thấp tim
- ☐ Đứt mạch máu não

b) Trong số các bệnh dưới đây, bệnh nào thường gặp ở trẻ em ?

- ☐ Huyết áp cao
- ☐ Xơ vữa động mạch
- ☐ Thấp tim
- ☐ Đứt mạch máu não
- ☐ Nhồi máu cơ tim

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

* Nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến bệnh thấp tim ?

- ☐ Do bị viêm họng, viêm a-mi-đan kéo dài
- ☐ Do ăn uống không vệ sinh
- ☐ Do biến chứng của các bệnh truyền nhiễm (cúm, sởi, ...)
- ☐ Do thấp khớp cấp không được chữa trị kịp thời, dứt điểm

3. Để phòng bệnh thấp tim, chúng ta cần phải làm gì ?

.....

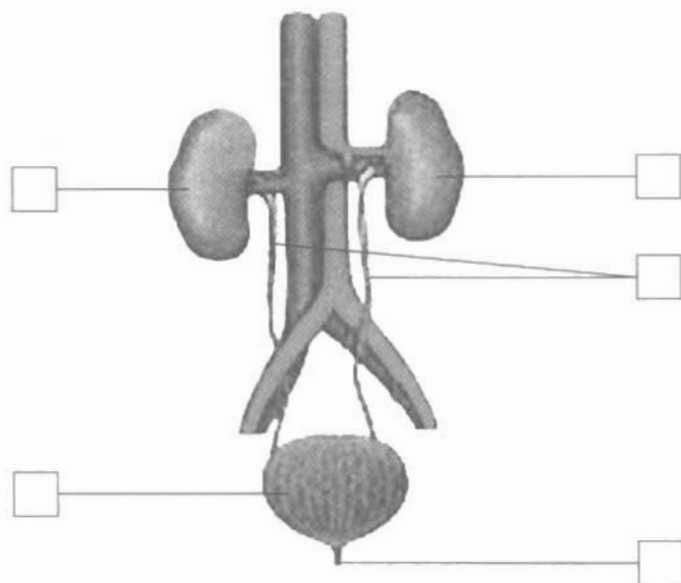
.....

.....

Bài 10 HOẠT ĐỘNG BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU

1. Viết các chữ a, b,... vào ☐ trên sơ đồ cơ quan bài tiết nước tiểu cho phù hợp với lời ghi chú.

- a) Thận phải
- b) Thận trái
- c) Ống dẫn nước tiểu
- d) Bóng đái
- e) Ống đái



2. Hoàn thành bảng sau :

Các bộ phận của cơ quan bài tiết nước tiểu	Chức năng
Thận	
Ống dẫn nước tiểu	
Bóng đái	
Ống đái	

Bài 11

VỆ SINH CƠ QUAN BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Bệnh nào dưới đây không phải là bệnh ở cơ quan bài tiết nước tiểu ?

☐ Nhiễm trùng ống đái

☐ Viêm thận

☐ Thấp tim

☐ Sỏi thận

b) Để tránh nhiễm trùng cơ quan bài tiết nước tiểu chúng ta cần làm gì ?

☐ Thường xuyên tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo đặc biệt là quần áo lót

☐ Không nhịn đi tiểu

☐ Uống đủ nước

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Tại sao cần uống đủ nước ?

☐ Để bù nước cho quá trình mất nước do việc thải nước tiểu ra hàng ngày

☐ Để tránh bệnh sỏi thận

☐ Cả hai ý trên

3. Viết ba việc mà bạn nên làm, ba việc bạn không nên làm để bảo vệ và giữ vệ sinh cơ quan bài tiết nước tiểu.

a) Những việc nên làm :

-

-

-

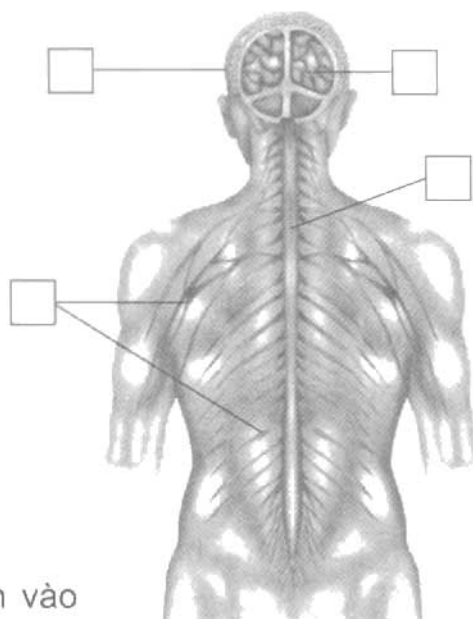
b) Những việc không nên làm :

-
-
-

Bài 12 CƠ QUAN THẦN KINH

1. Viết các chữ a, b,... vào ☐ trên sơ đồ dưới đây cho phù hợp với lời ghi chú.

- a) Não
- b) Tuỷ sống
- c) Các dây thần kinh
- d) Hộp sọ



2. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp.

tuỷ sống, cột sống, hộp sọ, các dây thần kinh,
dây thần kinh não, dây thần kinh tuỷ, não

a) Cơ quan thần kinh gồm có :
và

- b) Não được bảo vệ trong Từ não có một số dây thần kinh đi thẳng tới các cơ quan của cơ thể và ngược lại. Những dây thần kinh đó được gọi là các
- c) Tuỷ sống nằm trong Từ tuỷ sống có rất nhiều dây thần kinh đi tới tất cả các cơ quan của cơ thể và ngược lại. Những dây thần kinh đó được gọi là các

3. Hoàn thành bảng sau :

Các bộ phận của cơ quan thần kinh	Chức năng
Não và tuỷ sống	
Các dây thần kinh	

Bài 13 HOẠT ĐỘNG THẦN KINH

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Điều gì sẽ xảy ra khi tay ta vô ý chạm vào vật nóng ?

- ☐ Tay ta lập tức rút lại
- ☐ Một lúc sau mới rút tay lại
- ☐ Tay ta để yên

b) Bạn ngồi trên ghế cao, chân buông thõng và để một bạn khác dùng cạnh bàn tay hoặc búa cao su đánh vào đầu gối ngay dưới xương bánh chè của một chân. Chân đó sẽ phản ứng thế nào ?

- ☐ Chân đó sẽ không có phản ứng gì
- ☐ Chân đó lập tức sẽ rút lại
- ☐ Chân đó lập tức đá hất ra phía trước

c) Bộ phận nào của cơ quan thần kinh điều khiển các hoạt động phản xạ trên ?

- ☐ Não
- ☐ Tuỷ sống
- ☐ Não và tuỷ sống

2. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp.

trung ương thần kinh, phản xạ, tự động, bất ngờ

Khi gặp một kích thích, cơ thể phản ứng rất nhanh. Những phản ứng như vậy được gọi là Tuỷ sống là điều khiển hoạt động của loại phản xạ này.

Bài 14 HOẠT ĐỘNG THẦN KINH (tiếp theo)

1. Quan sát hình 1 trang 30 trong sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi sau :

a) Khi bất ngờ giẫm phải đinh, Nam đã lập tức co chân lên. Phản ứng này được gọi là gì ?

.....

b) Hoạt động co chân lên của Nam do bộ phận nào của cơ quan thần kinh điều khiển ?

.....

c) Theo bạn, Nam đã có suy nghĩ gì mà không vút đinh ra đường mà lại vút đinh vào thùng rác ?

.....

d) Bộ phận nào của cơ quan thần kinh đã điều khiển hoạt động suy nghĩ đó của Nam ?

.....

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

* Hoạt động nào dưới đây là hoạt động có suy nghĩ (ý thức) thường gặp trong đời sống ?

☐ Hắt hơi khi mũi bị kích thích

☐ Tập thể dục buổi sáng

☐ Chớp mắt khi có vật chạm vào mắt

☐ Giật mình khi nghe thấy tiếng động mạnh

☐ Đứng lên khi cô giáo gọi đọc bài

3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Não có vai trò gì ?

☐ Điều khiển mọi hoạt động của cơ thể

☐ Phối hợp sự hoạt động của các cơ quan trong cơ thể một cách nhịp nhàng

☐ Giúp ta suy nghĩ và cảm xúc làm nên cá tính của chúng ta

☐ Giúp chúng ta học và ghi nhớ

☐ Thực hiện tất cả những việc trên

Bài 15 VỆ SINH THẦN KINH

1. Dựa vào các hình ở trang 32 sách giáo khoa để phân tích một số việc làm có lợi hoặc có hại đối với cơ quan thần kinh rồi điền vào bảng sau :

Hình	Việc làm	Tại sao việc làm đó là có lợi ?	Tại sao việc làm đó là có hại ?
1.	Một bạn đang ngủ.	Khi ngủ, cơ quan thần kinh được nghỉ ngơi.	
2.	Các bạn đang chơi trên bãi biển.		
3.	Một bạn đang thức đến 11 giờ đêm để đọc sách.		
4.	Chơi trò chơi điện tử.		

5.	Xem biểu diễn văn nghệ.		
6.	Bố, mẹ chăm sóc bạn nhỏ trước khi đi học.		
7.	Một bạn nhỏ đang bị bố hoặc người lớn đánh.		

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

* Theo bạn, trạng thái nào dưới đây là có lợi đối với cơ quan thần kinh ?

- ☐ Căng thẳng
☐ Sợ hãi
☐ Tức giận
☐ Vui vẻ, thư giãn

3. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

a) Những gì dưới đây nếu đưa vào cơ thể sẽ gây hại cho sức khỏe đặc biệt là cơ quan thần kinh ?

- ☐ Ma túy
☐ Rượu
☐ Thuốc lá
☐ Bánh, kẹo

b) Những gì dưới đây nếu đưa vào cơ thể sẽ kích thích cơ quan thần kinh, gây mất ngủ ?

- ☐ Cà phê
☐ Nước chè (trà) đặc
☐ Nước cam

Bài 16 VỆ SINH THẦN KINH (tiếp theo)

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

a) Thế nào là giấc ngủ tốt ?

☐ Là giấc ngủ sâu (ngủ say)

☐ Là ngủ đủ số giờ cần thiết

☐ Cả hai ý trên

b) Làm thế nào để giữ vệ sinh giấc ngủ ?

☐ Tạo thói quen đi ngủ và thức dậy đúng giờ, ngủ đủ số giờ cần thiết

☐ Không ăn quá no, uống quá nhiều ; không dùng chất kích thích như thuốc lá, rượu, bia, cà phê, trà đặc, ...

☐ Đánh răng, rửa mặt, rửa tay chân, tiểu tiện, thay quần áo sạch trước khi đi ngủ

☐ Chỗ ngủ sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông

☐ Thực hiện tất cả những việc trên

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

☐ Khi ngủ, bộ não, các giác quan, cơ bắp, ... được nghỉ ngơi nhiều nhất, sức khỏe được phục hồi ...

☐ Nghỉ ngơi bằng cách nằm thoải mái nghe nhạc hoặc đọc sách có thể thay thế hoàn toàn cho giấc ngủ

☐ Trẻ em chỉ cần cho ăn nhiều còn không cần phải ngủ nhiều

☐ Trẻ càng nhỏ càng cần ngủ nhiều để cơ thể khỏe mạnh, mau lớn

☐ Ở người có bệnh thì ngủ là biện pháp chữa bệnh tốt, làm giảm tác hại của bệnh và các biến chứng, giúp bệnh mau khỏi

3. Viết thời gian biểu của bạn vào bảng sau :

Buổi	Giờ	Công việc / Hoạt động
Sáng		
Trưa		
Chiều		
Tối		
Đêm		

4. a) Thời gian nào trong ngày bạn học tập có kết quả nhất ?

.....
.....

b) Thời gian nào trong ngày bạn thường mệt mỏi, buồn ngủ ?

.....
.....

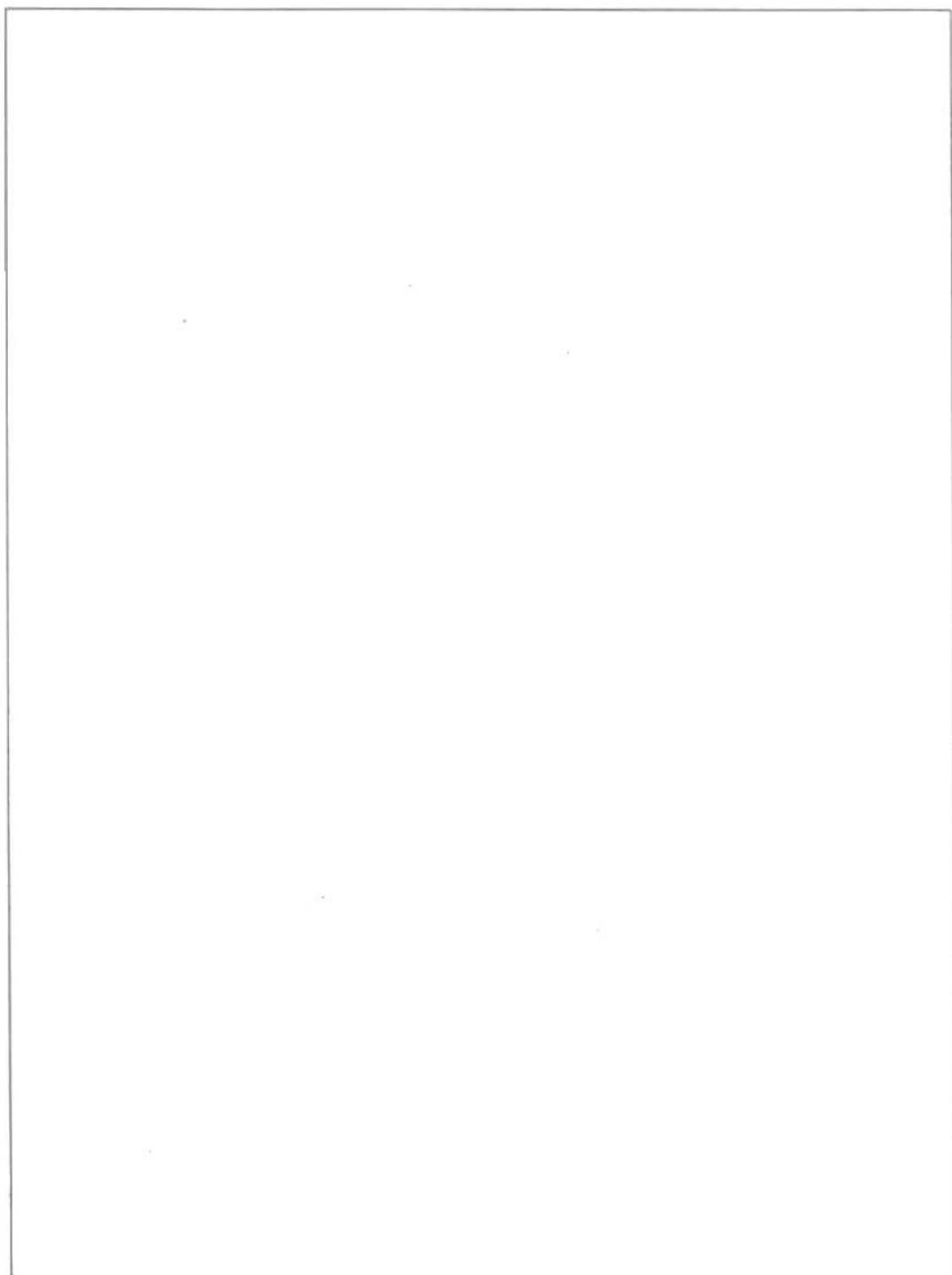
Bài 17 18

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA : CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

1. Hoàn thành bảng sau :

Hình vẽ	Tên cơ quan	Chức năng	Cách giữ vệ sinh
			
			
			
			

2. Vẽ tranh vận động mọi người sống lành mạnh, không sử dụng các chất độc hại như : thuốc lá, rượu, ma túy.



Bài 19 CÁC THỂ HỆ TRONG MỘT GIA ĐÌNH

1. Quan sát hình vẽ sau :



Gia đình A



Gia đình B



Gia đình C

a) Điền số vào chỗ ... cho phù hợp với hình vẽ.

- Gia đình A có thế hệ.
- Gia đình B có thế hệ.
- Gia đình C có thế hệ.

b) Hoàn thành bảng sau :

Gia đình	Thành viên gia đình		
	Thế hệ thứ 1	Thế hệ thứ 2	Thế hệ thứ 3
A			
B			
C			

2. a) Đánh dấu x vào ☐ trước từ chỉ thành viên có trong gia đình bạn.

☐ Ông

☐ Anh

☐ Bà

☐ Chị

☐ Bố

☐ Em

☐ Mẹ

☐ Bản thân

b) Điền số hoặc từ vào chỗ ... cho phù hợp với gia đình bạn.

- Gia đình tôi có ... thế hệ.

- là người nhiều tuổi nhất.

- là người ít tuổi nhất.

3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Gia đình một thế hệ là gia đình có :

☐ Vợ và chồng cùng chung sống

☐ Bố, mẹ và các con cùng chung sống

☐ Ông, bà, bố, mẹ và các con cùng chung sống

b) Gia đình hai thế hệ là gia đình có :

☐ Vợ và chồng cùng chung sống

☐ Bố, mẹ và các con cùng chung sống

☐ Ông, bà, bố, mẹ và các con cùng chung sống

c) Gia đình ba thế hệ là gia đình có :

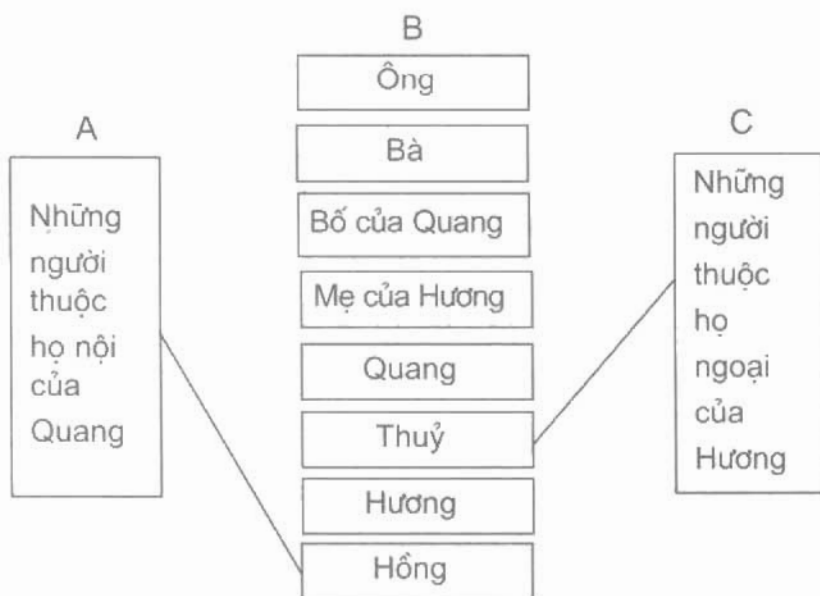
☐ Vợ và chồng cùng chung sống

☐ Bố, mẹ và các con cùng chung sống

☐ Ông, bà, bố, mẹ và các con cùng chung sống

Bài 20 HỌ NỘI, HỌ NGOẠI

1. Quan sát hình 1 trang 40 trong sách giáo khoa rồi nối những từ ở cột B với cột A hoặc cột B với cột C sao cho phù hợp.



2. Viết tên những người họ hàng thân thích của bạn vào bảng sau :

Họ nội	Họ ngoại
Ông nội,	, bà ngoại.....
.....	
.....	
.....	

3. Bạn đã làm gì để thể hiện sự yêu quý, quan tâm và giúp đỡ những người họ hàng thân thích của mình ?

.....

.....

Bài 21 22 THỰC HÀNH : PHÂN TÍCH VÀ VẼ SƠ ĐỒ MỐI QUAN HỆ HỌ HÀNG

1. Quan sát hình trang 42 trong sách giáo khoa, chọn từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp.

con trai, con gái, con dâu, con rể, cháu nội, cháu ngoại

- Bố của Quang và Thuỷ là của ông bà.
- Mẹ của Hương và Hồng là của ông bà.
- Mẹ của Quang và Thuỷ là của ông bà.
- Bố của Hương và Hồng là của ông bà.
- Quang và Thuỷ là của ông bà.
- Hương và Hồng là của ông bà.

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

- ☐ Quang gọi Hương và Hồng là em.
- ☐ Quang gọi mẹ của Hương là dì.
- ☐ Quang gọi bố của Hương là chú.
- ☐ Hương gọi bố, mẹ của Quang là bác.
- ☐ Hương gọi Quang là anh.
- ☐ Hương gọi Thuỷ là em.

3. Dựa vào sơ đồ trang 43 trong sách giáo khoa để vẽ sơ đồ họ nội, sơ đồ họ ngoại của bạn.

Sơ đồ họ nội

Sơ đồ họ ngoại

Bài 23 PHÒNG CHÁY KHI Ở NHÀ

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

* Để phòng cháy khi đun nấu, chúng ta phải làm gì ?

- ☐ Tắt bếp khi sử dụng xong
- ☐ Không trông coi khi đun nấu
- ☐ Để những thứ dễ cháy ở gần bếp

2. Quan sát kĩ trong nhà, trong bếp của gia đình bạn và liệt kê những thứ dễ cháy rồi viết vào chỗ ... trong bảng sau :

Những thứ dễ cháy	Hiện chúng được để ở đâu ?	Ghi chú (để nghị cách cất giữ an toàn hơn nếu cần)
Can dầu hoả (hoặc xăng)		
.....		
.....		
.....		
.....		

3. Hãy nêu nguyên nhân của những vụ cháy mà em đã chứng kiến hoặc biết qua xem ti vi, đọc báo.

.....

.....

Bài 24 MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG Ở TRƯỜNG

1. a) Quan sát các hình trang 46, 47 trong sách giáo khoa và viết vào chỗ ... trong bảng sau :

Hình	Học sinh đang làm gì ?	Hoạt động diễn ra trong giờ học nào ?
1	Quan sát cây hoa	Tự nhiên và Xã hội
2		
3		
4		
5		
6		

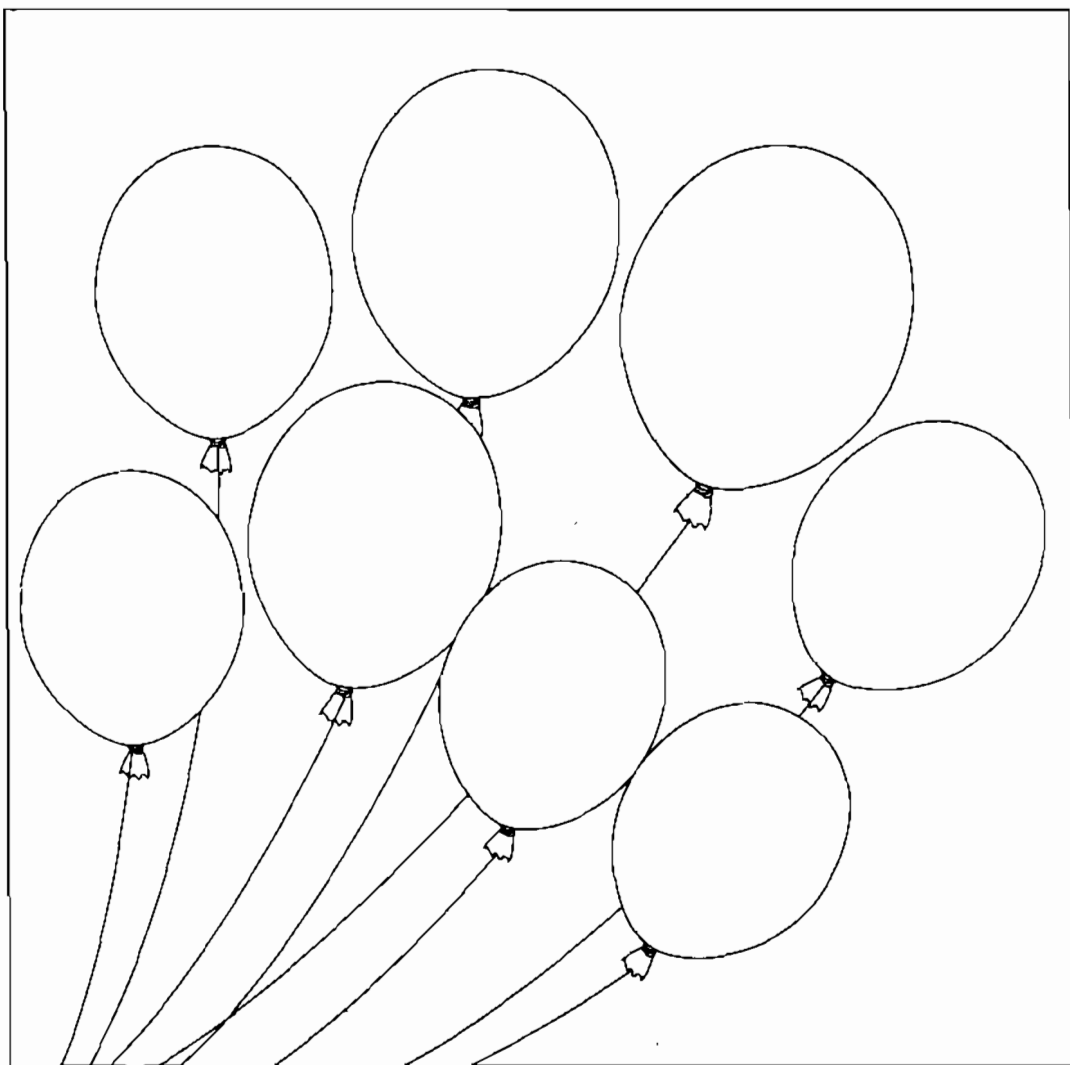
- b) Trong các giờ học, bạn đã tham gia những hoạt động học tập nào ?

.....

.....

.....

2. Điền tên các môn học bạn được học ở trường vào những quả bóng dưới đây :



3. Bạn thích nhất môn học nào ? Tại sao ?

.....

.....

.....

Bài 25 MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG Ở TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Quan sát các hình trang 48, 49 trong sách giáo khoa và viết vào chỗ ... trong bảng sau :

Hình	Học sinh đang làm gì ?	Hoạt động có ích lợi gì ?
1	Đồng diễn thể dục	Giúp cho cơ thể khoẻ mạnh.
2		
3		
4		
5		
6		

2. a) Ngoài hoạt động học tập, bạn đã tham gia những hoạt động nào do nhà trường tổ chức ?

.....

.....

.....

- b) Trong các hoạt động trên, bạn thích hoạt động nào nhất ? Tại sao ?

.....

.....

Bài 26 KHÔNG CHƠI CÁC TRÒ CHƠI NGUY HIỂM

1. Quan sát hình vẽ trang 50, 51 trong sách giáo khoa và viết vào chỗ ... trong bảng sau :

Trò chơi an toàn	Tác dụng
Đá cầu	Tinh thần thư giãn, cơ thể khoẻ mạnh.

Trò chơi dễ gây nguy hiểm	Hậu quả có thể xảy ra
Chạy đuổi nhau	Có thể ngã, gây chảy máu.

2. Khi ở trường, chúng ta nên chơi và không nên chơi những trò chơi gì ?

a) Nên chơi :

.....

.....

.....

.....

.....

b) Không nên chơi :

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời phù hợp với ý kiến của bạn.

*** Bạn sẽ làm gì khi thấy bạn khác chơi những trò chơi nguy hiểm ?**

- ☐ Không làm gì
- ☐ Cùng tham gia chơi trò chơi đó
- ☐ Báo cho thầy cô giáo hoặc người lớn biết
- ☐ Khuyên bạn không nên chơi trò chơi đó

Bài 27 28 TỈNH (THÀNH PHỐ) NƠI BẠN ĐANG SỐNG

1. Viết chữ a hoặc b, c, d vào ☐ dưới mỗi hình cho phù hợp với lời ghi chú.

a) Cơ quan hành chính

b) Cơ quan giáo dục

c) Cơ quan văn hoá

d) Cơ quan y tế



Ủy ban nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

☐

Bệnh viện Hữu nghị
Việt - Đức, Hà Nội

☐

Nhà hát lớn ở Hà Nội

☐

Trường Quốc học Huế

☐

2. a) Bạn đang sống ở tỉnh (thành phố) nào ?

.....

b) Viết một hoặc hai tên cơ quan : hành chính, văn hoá, giáo dục, y tế ở tỉnh (thành phố) nơi bạn sống vào chỗ ... trong bảng sau :

Cơ quan	Tên
Hành chính	
Văn hoá	
Giáo dục	
Y tế	

3. Hãy sưu tầm tranh ảnh một cơ quan hành chính hoặc cơ quan văn hoá, giáo dục, y tế của tỉnh hoặc thành phố bạn đang sống rồi giới thiệu với các bạn trong nhóm.

Bài 29 CÁC HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN LIÊN LẠC

1. Đánh dấu x vào ☐ trước những câu trả lời đúng.

* Cơ sở nào dưới đây là cơ sở thông tin liên lạc ?

☐ Đài phát thanh

☐ Bưu điện

☐ Nhà máy

☐ Viện bảo tàng

☐ Trường học

☐ Đài truyền hình

2. Nối các ô chữ cho phù hợp.

Bưu điện

Phát và thu nhận những tin tức, hình ảnh về văn hoá, khoa học, nghệ thuật, kinh tế,... bằng lời và bằng hình ảnh sống động.

Đài truyền hình

Nhận, chuyển thư tín, bưu phẩm, tiền,... của người gửi đến người nhận giữa các địa phương trong nước, giữa trong nước với nước ngoài.

Đài phát thanh

Phát và thu nhận thông tin trên các lĩnh vực của cuộc sống bằng lời.

Bài 30 HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP

1. Hãy nối những từ thể hiện hoạt động nông nghiệp với vòng tròn ở giữa.



2. Viết vào chỗ ... trong bảng sau :

Hoạt động nông nghiệp	Lợi ích
Trồng lúa	Cung cấp gạo.
.....	
.....	
.....	
.....	

3. Viết tên một số cây trồng và vật nuôi mà bạn biết.

- Cây trồng :
- Vật nuôi :

Bài 31 HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI

1. Hãy nối những từ thể hiện hoạt động công nghiệp với vòng tròn ở giữa.



2. Viết vào chỗ ... trong bảng sau :

Hoạt động công nghiệp	Lợi ích
Khai thác dầu khí	Đề xuất khẩu và phục vụ các nhu cầu trong nước.
.....	
.....	
.....	
.....	

3. Viết vào chỗ ... trong bảng sau :

Tên cửa hàng, chợ (hoặc siêu thị)	Một số hàng hoá được mua bán
.....	
.....	
.....	

Bài 32 LÀNG QUÊ VÀ ĐÔ THỊ

1. Hãy điền vào chỗ ... trong bảng dưới đây để thấy được những điểm khác nhau chủ yếu giữa làng quê và đô thị.

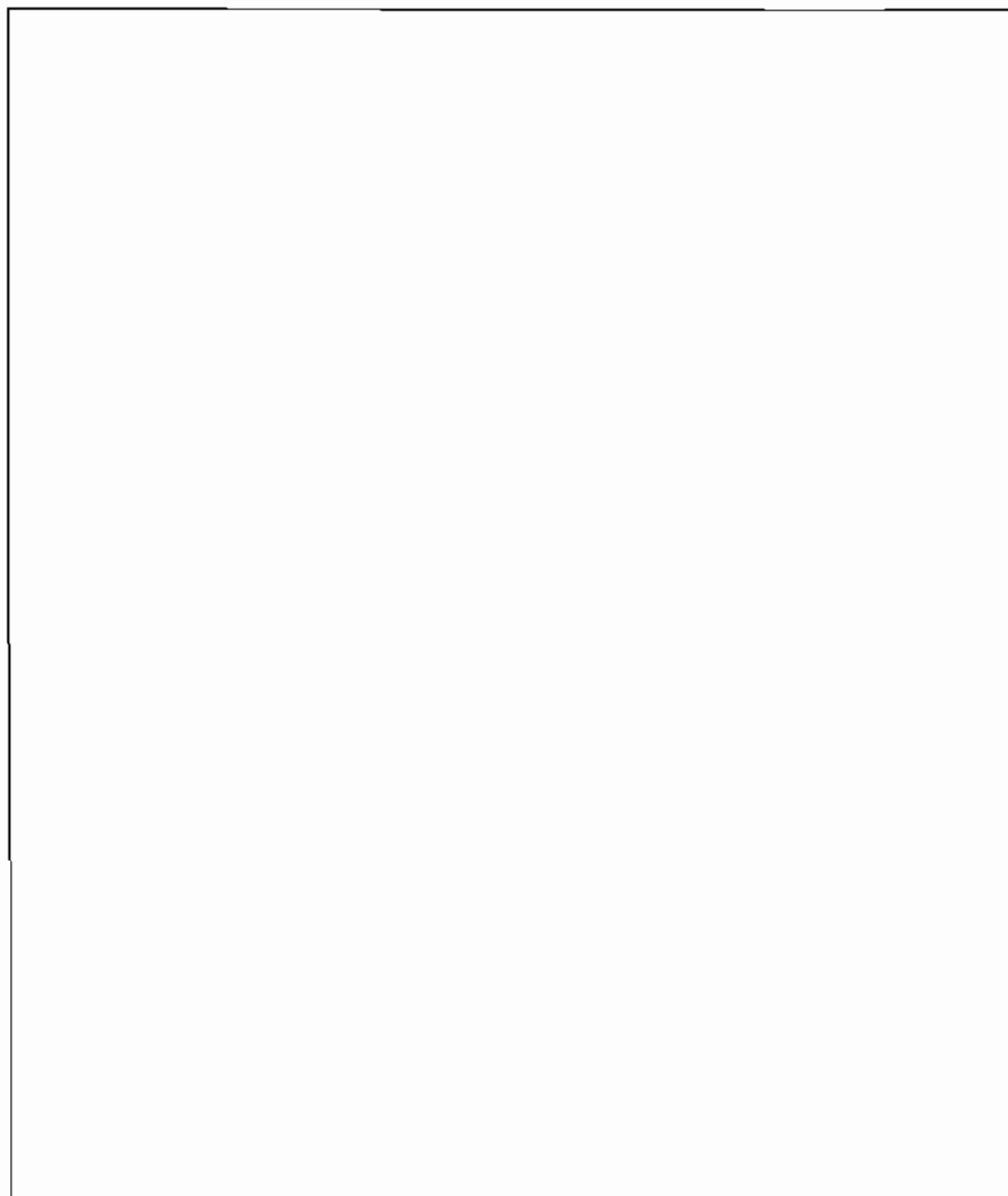
	Làng quê	Đô thị
Phong cảnh, nhà cửa		
Đường sá, xe cộ qua lại		
Nghề sống chính của nhân dân		

2. Bạn đang sống ở đâu ? Ở làng quê hay đô thị ?

.....

.....

3. Vẽ nhà cửa, đường sá nơi bạn sống.



Bài 33 AN TOÀN KHI ĐI XE ĐẠP

1. Quan sát các hình trang 64, 65 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ ... trong bảng sau :

Hình	Người đi xe đạp trong hình đi sai quy định ở điểm nào ?
1	Có người đi qua đường khi đèn đỏ.
2	
3	
4	
5	
7	

2. Viết thêm một số quy định đối với người đi xe đạp.

- Người đi xe đạp phải : đi bên phải,

.....

.....

- Người đi xe đạp không được : đi hàng ba trên đường,

.....

.....

Bài 34 35 ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

1. Hoàn thành bảng sau :

Tên cơ quan	Tên các bộ phận	Chức năng của từng bộ phận
Hô hấp		
T tuần hoàn		
Bài tiết nước tiểu		
Thần kinh		

2. Hoàn thành bảng sau :

Tên cơ quan	Tên bệnh thường gặp	Cách phòng bệnh
Hô hấp		
Tuần hoàn		
Bài tiết nước tiểu		

3. Lập danh sách tên một số hoạt động kinh tế, sản phẩm và lợi ích của hoạt động đó dựa theo bảng sau :

Hoạt động kinh tế	Sản phẩm	Lợi ích
<i>Hoạt động nông nghiệp :</i> - Trồng lúa - - Nuôi lợn - Nuôi, đánh bắt tôm, cá -		
<i>Hoạt động công nghiệp :</i> - Khai thác dầu khí - Chế biến hoa quả - -		

4. Hãy điền số con và số cháu của ông bà nội và ông bà ngoại của bạn vào bảng sau :

	Ông bà nội	Ông bà ngoại
Số con		
Số cháu		
Tổng số con và cháu		

5. a) Điền vào chỗ ... cho phù hợp.

- Giới thiệu với các bạn trong nhóm số con, cháu của ông bà nội, ông bà ngoại của mình.
- Con, cháu của ông bà bạn đông nhất. Tổng số là người.

b) Nếu ở địa phương bạn số gia đình đông con, đông cháu tăng lên thì dân số ở địa phương bạn sẽ tăng lên hay giảm đi ?

.....

c) Theo bạn, ở những gia đình đông con thường có khó khăn gì ?

.....

.....

.....

Bài 36 VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

1. Viết cảm giác của bạn khi đi qua đống rác :

.....

2. Điền chữ N (nên làm) hoặc chữ K (không nên làm) vào ☐ dưới các hình sau :



3. Đánh dấu x vào ☐ trước những câu trả lời phù hợp.

* Ở địa phương bạn, rác được xử lí theo cách nào ?

- ☐ Chôn
- ☐ Đốt
- ☐ Ủ (để bón ruộng, ...)
- ☐ Tái chế

Bài 37 VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Chọn các từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp.

chất thải, ô nhiễm, mầm bệnh

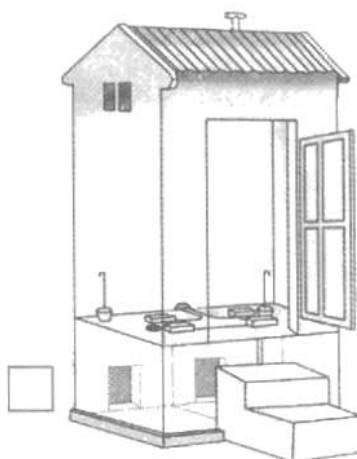
a) Phân và nước tiểu là của quá trình tiêu hoá và bài tiết.

b) Phân và nước tiểu có mùi hôi thối, chứa nhiều
và gây môi trường xung quanh.

2. Đánh dấu x vào ☐ bên cạnh hình hoặc chữ chỉ loại nhà tiêu gia đình bạn đang sử dụng.



☐ Khác với ba loại nhà tiêu trên



3. Bạn và những người trong gia đình phải làm gì để giữ cho nhà tiêu luôn sạch sẽ ?

.....

.....

.....

Bài 38 VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

* Trong nước thải có gì gây hại cho sức khỏe con người ?

- ☐ Phân
- ☐ Đất
- ☐ Chất độc hại
- ☐ Vi khuẩn gây bệnh

2. a) Đánh dấu x vào ☐ trước câu chỉ những nguồn nước thải mà bạn đã nhìn thấy.

- ☐ Nước thải từ các nhà máy
- ☐ Nước thải từ các chuồng trại chăn nuôi
- ☐ Nước thải từ bệnh viện
- ☐ Nước thải từ chợ, hàng quán
- ☐ Nước thải trong sinh hoạt gia đình như tắm, giặt, nấu ăn, lau nhà

- b) Trong các nguồn nước thải mà bạn nhìn thấy, nguồn nước thải nào được cho chảy vào cống rãnh ?

.....
.....

3. Ở địa phương bạn, nước thải được xử lí như thế nào ?

.....
.....
.....
.....
.....

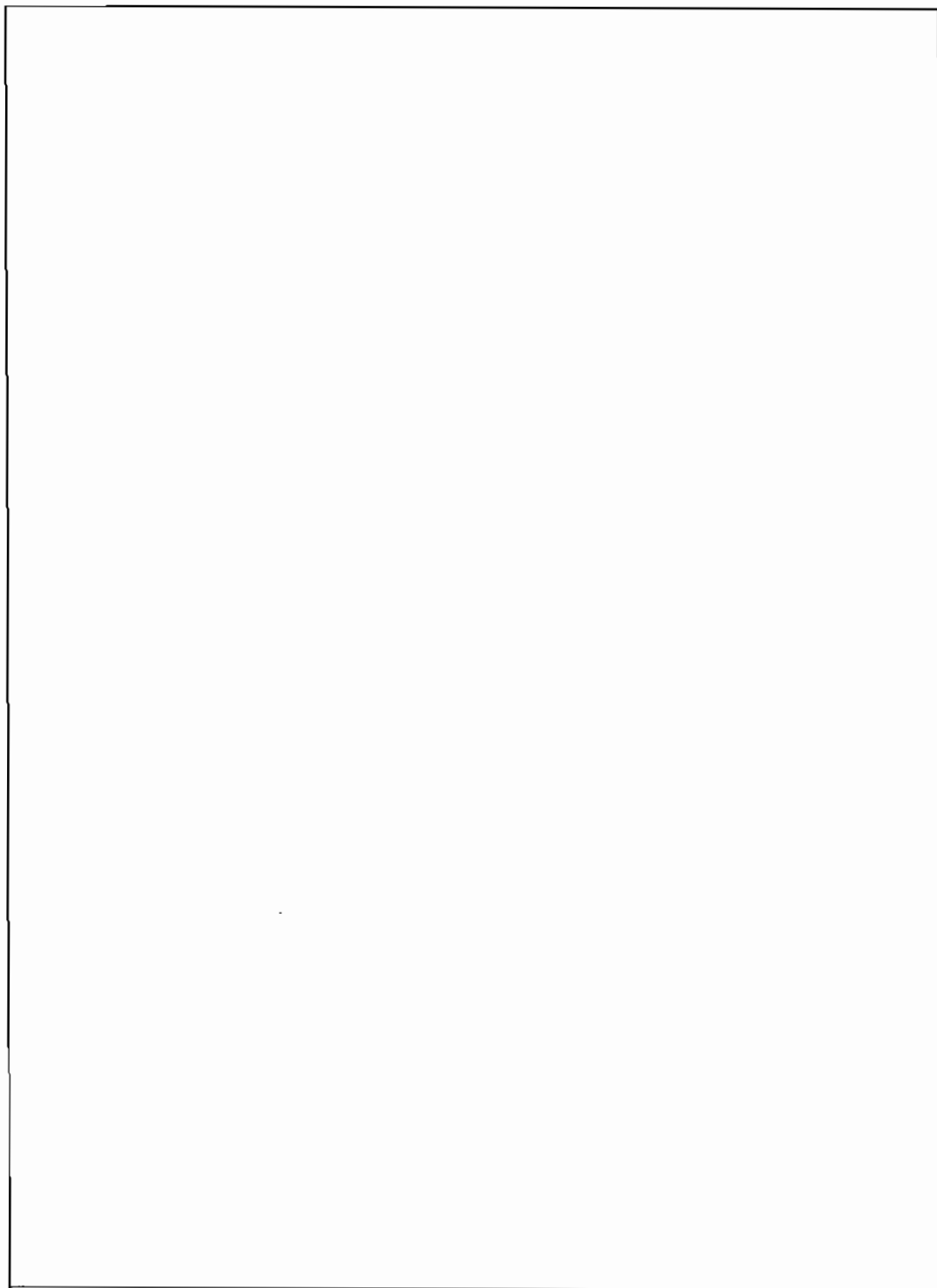
Bài 39

ÔN TẬP : XÃ HỘI

1. Tìm hiểu điều kiện sinh hoạt và sản xuất của địa phương nơi bạn sống trước kia và hiện nay rồi hoàn thành bảng sau :

Điều kiện sinh hoạt và sản xuất	Trước kia	Hiện nay
<i>Nơi sống :</i> - Nhà ở - Khu vệ sinh (nhà vệ sinh, nhà tắm) - Tình trạng vệ sinh xung quanh nhà		
<i>Loại nước được đa số người dân sử dụng :</i> - Sông, hồ, ao, suối - Giếng đào - Giếng khoan - Nước mưa - Nước máy		
<i>Sản xuất nông nghiệp (nếu có)</i> - Dùng phân tươi bón ruộng - Dùng phân xanh hoặc phân chuồng đã ủ kĩ - Dùng phân hoá học - Phun thuốc trừ sâu - Nuôi gia súc, gia cầm		

2. Vẽ một bức tranh mô tả điều kiện sống của địa phương theo trí tưởng tượng của bạn.



Bài 40 THỰC VẬT

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

a) Một số điểm khác nhau của cây trắc bách diệp và cây vạn tuế (trong hình 2 trang 76 sách giáo khoa) là :

- ☐ Cây trắc bách diệp cao hơn cây vạn tuế
- ☐ Lá cây trắc bách diệp nhỏ, lá cây vạn tuế lớn, dài
- ☐ Cả hai ý trên

b) Một số điểm khác nhau của cây kơ-nia và cây cau (trong hình 3 trang 77 sách giáo khoa) là :

- ☐ Cây kơ-nia cao và to hơn hẳn cây cau
- ☐ Cây kơ-nia có cành còn cây cau không có cành
- ☐ Cả hai ý trên

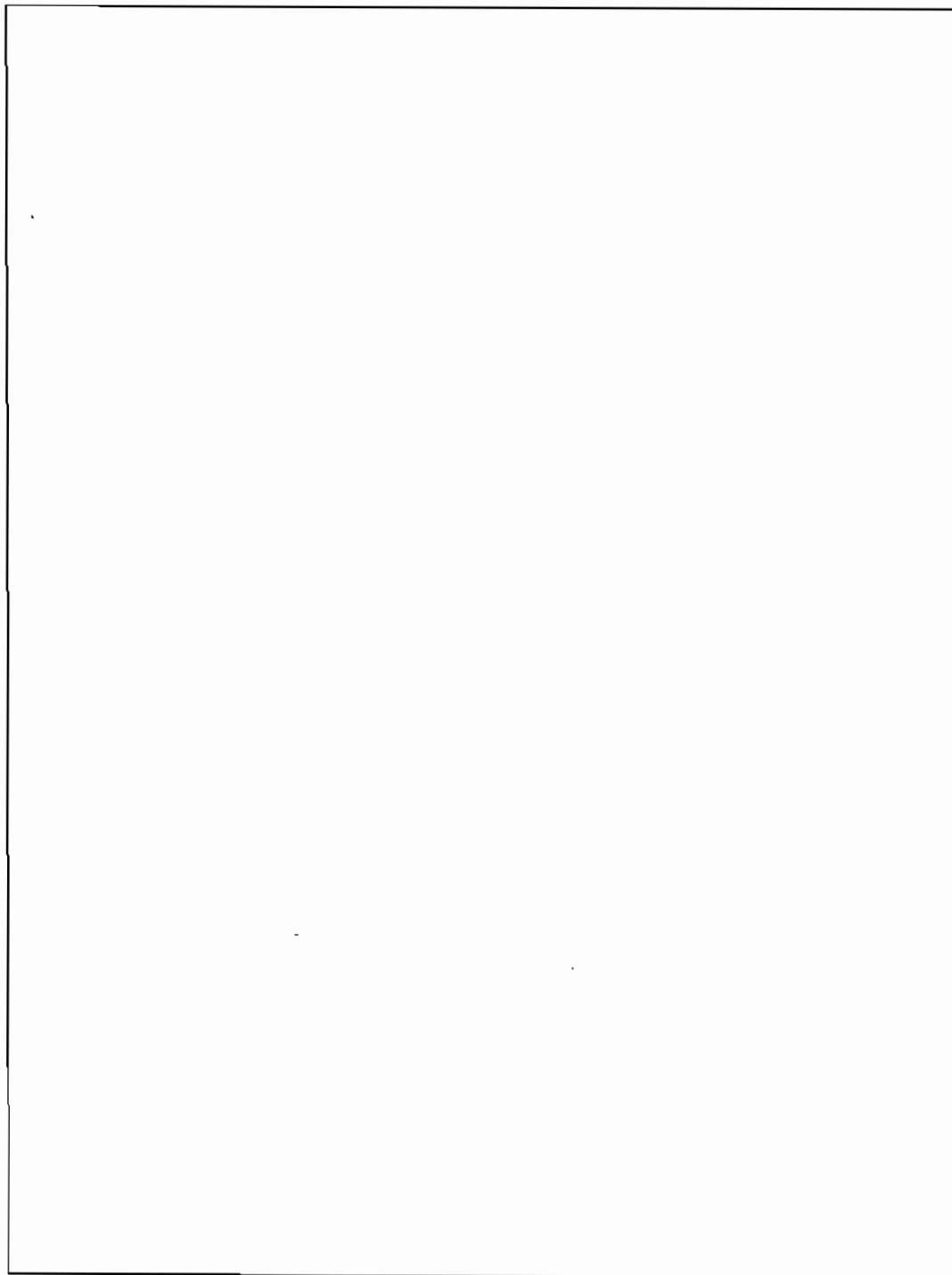
c) Một số điểm khác nhau của cây khế (hình 1 trang 76) và cây hoa hồng (hình 5 trang 77) là :

- ☐ Cây khế cao hơn, cây hoa hồng thấp hơn
- ☐ Thân và cành của cây khế không có gai, thân và cành của cây hoa hồng có gai
- ☐ Cả hai ý trên

d) Nêu những điểm giống nhau của cây hoa hồng (hình 5 trang 77) và cây hoa súng (hình 6 trang 77) :

- ☐ Đều có rễ
- ☐ Đều có thân
- ☐ Đều có lá
- ☐ Đều có hoa
- ☐ Đều có quả
- ☐ Đều có rễ, thân, lá, hoa và quả

2. Vẽ và tô màu một số cây bạn quan sát được vào phần để trống dưới đây :



Bài 41 THÂN CÂY

1. Hãy quan sát thân cây ở các hình dưới đây, đánh dấu x vào ☐ trước ý đúng.

☐ Thân thảo

☐ Thân gỗ

☐ Thân leo

☐ Thân bò



☐ Thân thảo

☐ Thân gỗ

☐ Thân leo

☐ Thân bò



☐ Thân thảo

☐ Thân gỗ

☐ Thân leo

☐ Thân bò



☐ Thân thảo

☐ Thân gỗ

☐ Thân leo

☐ Thân bò



2. Chọn tên các cây ghi trong khung để điền vào chỗ ... trong bảng cho phù hợp.

Xoài, ngô, trầu không, cà chua, dưa hấu, bí ngô, kơ-nia, cau, tía tô, hồ tiêu, gừng, rau ngót, dưa chuột, mây, bưởi, cà rốt, rau má, phượng vĩ, lá lốt, hoa cúc

Cấu tạo Cách mọc	Thân gỗ	Thân thảo
Đứng	Xoài,	Hoa cúc,
Bò		
Leo	Mây	

Bài 42 THÂN CÂY (tiếp theo)

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Rạch thử vào thân cây (đu đủ, cao su,...) bạn thấy gì ?

☐ Không thấy gì

☐ Thấy nước chảy ra

☐ Thấy nhựa cây chảy ra

b) Bấm một ngọn cây (mướp, khoai lang,...) nhưng không làm đứt rời khỏi thân. Vài ngày sau, bạn thấy gì ?

☐ Ngọn cây bị héo

☐ Ngọn cây vẫn tươi

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

a) Thân cây có chức năng gì ?

☐ Vận chuyển các chất trong cây

☐ Nâng đỡ tán lá

☐ Cả hai ý trên

b) Thân cây vận chuyển những chất gì ?

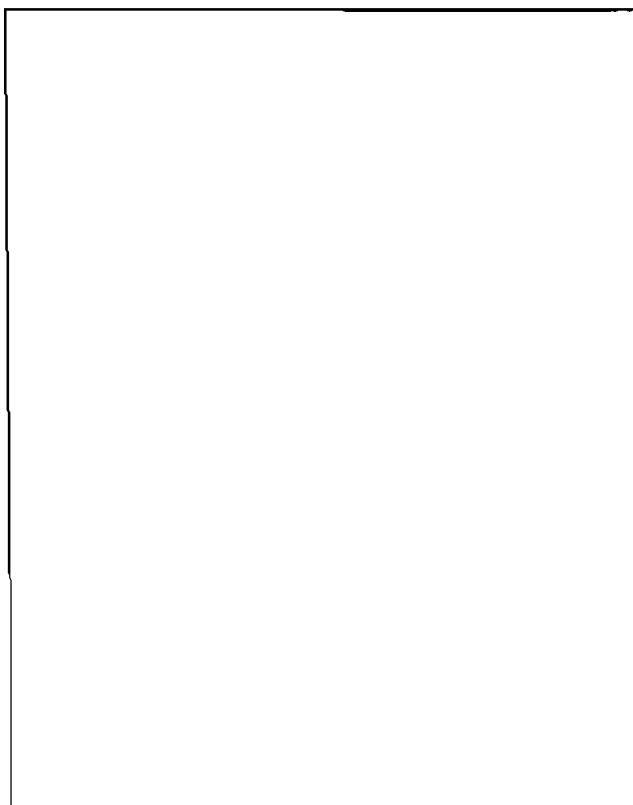
☐ Vận chuyển nước và các chất khoáng từ rễ lên lá

☐ Vận chuyển các chất dinh dưỡng từ lá đi khắp các bộ phận của cây để nuôi cây

☐ Cả hai ý trên

3. Vẽ sơ đồ một cây xanh vào khung để trống, sau đó :

- Dùng mũi tên màu xanh để chỉ đường đi của nước và các chất khoáng lên lá ;
- Dùng mũi tên màu đỏ để chỉ đường đi của các chất dinh dưỡng từ lá đi nuôi các bộ phận của cây.



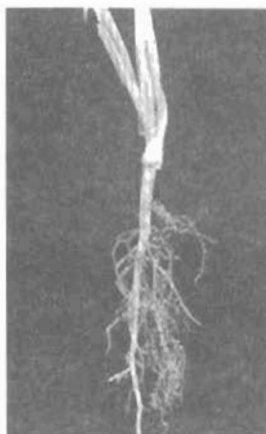
4. Hoàn thành bảng sau :

Tên cây	Ích lợi của thân cây
Lim, mít	
Thông	
Cao su	
Mía	
Rau muống, su hào	
Ngô, khoai lang	

Bài 43 RỄ CÂY

1. Hãy quan sát rễ cây ở các hình dưới đây, đánh dấu x vào ☐ trước ý đúng.

- ☐ Rễ cọc
- ☐ Rễ chùm
- ☐ Rễ phụ
- ☐ Rễ củ



- ☐ Rễ cọc
- ☐ Rễ chùm
- ☐ Rễ phụ
- ☐ Rễ củ



- ☐ Rễ cọc
- ☐ Rễ chùm
- ☐ Rễ phụ
- ☐ Rễ củ



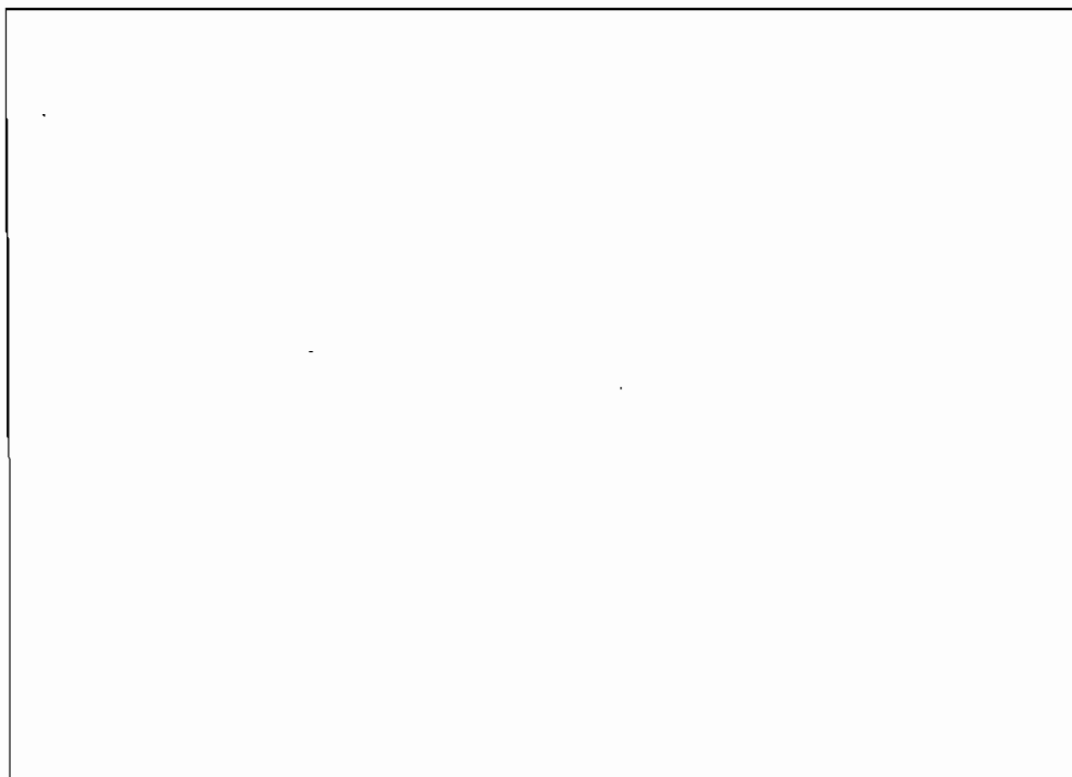
- ☐ Rễ cọc
- ☐ Rễ chùm
- ☐ Rễ phụ
- ☐ Rễ củ



2. Viết tên từ 2 đến 3 cây có các loại rễ sau :

a) Rễ cọc - - -	b) Rễ chùm - - -
c) Rễ phụ - -	d) Rễ củ - -

3. Vẽ một cây có rễ củ (hoặc loại rễ khác) vào phần để trống dưới đây :



Bài 44 RỄ CÂY (tiếp theo)

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

* Cắt một cây rau sát gốc rồi trồng lại vào đất. Sau một ngày, bạn thấy cây rau thế nào ?

- ☐ Cây rau vẫn tươi
- ☐ Cây rau mọc ra rễ mới
- ☐ Cây rau bị héo

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Rễ cây có chức năng gì ?

- ☐ Hút nước
- ☐ Hút các chất khoáng hoà tan
- ☐ Bám chặt vào đất để giữ cho cây không bị đổ
- ☐ Cả ba ý trên

3. Hoàn thành bảng sau :

Tên cây	Ích lợi của rễ cây
.....	Dùng làm thuốc
.....	Dùng làm thức ăn

Bài 45 LÁ CÂY

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Lá cây có màu gì ?

☐ Xanh

☐ Đỏ

☐ Vàng

☐ Cả ba ý trên

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

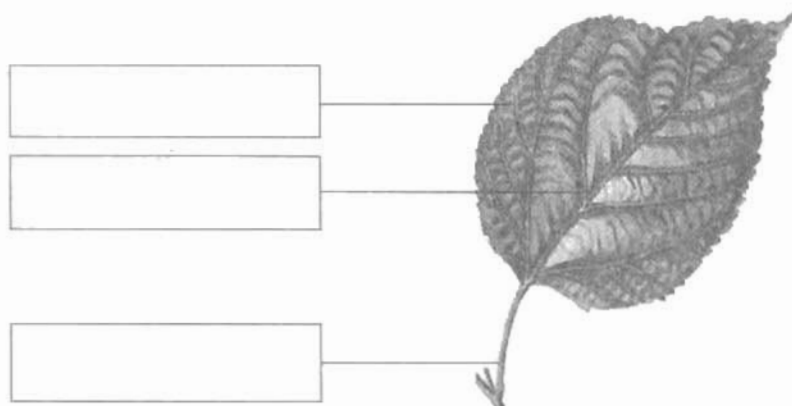
* Lá cây thường có màu xanh gì ?

☐ Xanh nước biển

☐ Xanh da trời

☐ Xanh lục

3. Quan sát hình vẽ chiếc lá dưới đây, điền tên các bộ phận của lá vào cho phù hợp.



4. Sưu tầm một số lá cây (lá thật hoặc tranh ảnh). Sắp xếp chúng theo nhóm có độ lớn, hình dạng gần giống nhau, sau đó viết tên chúng vào bảng dưới đây :

Hình dạng lá		Độ lớn của lá	
Dài	Hình bầu dục	Nhỏ	To
Lá lúa	Lá xoài	Lá tre	Lá chuối
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

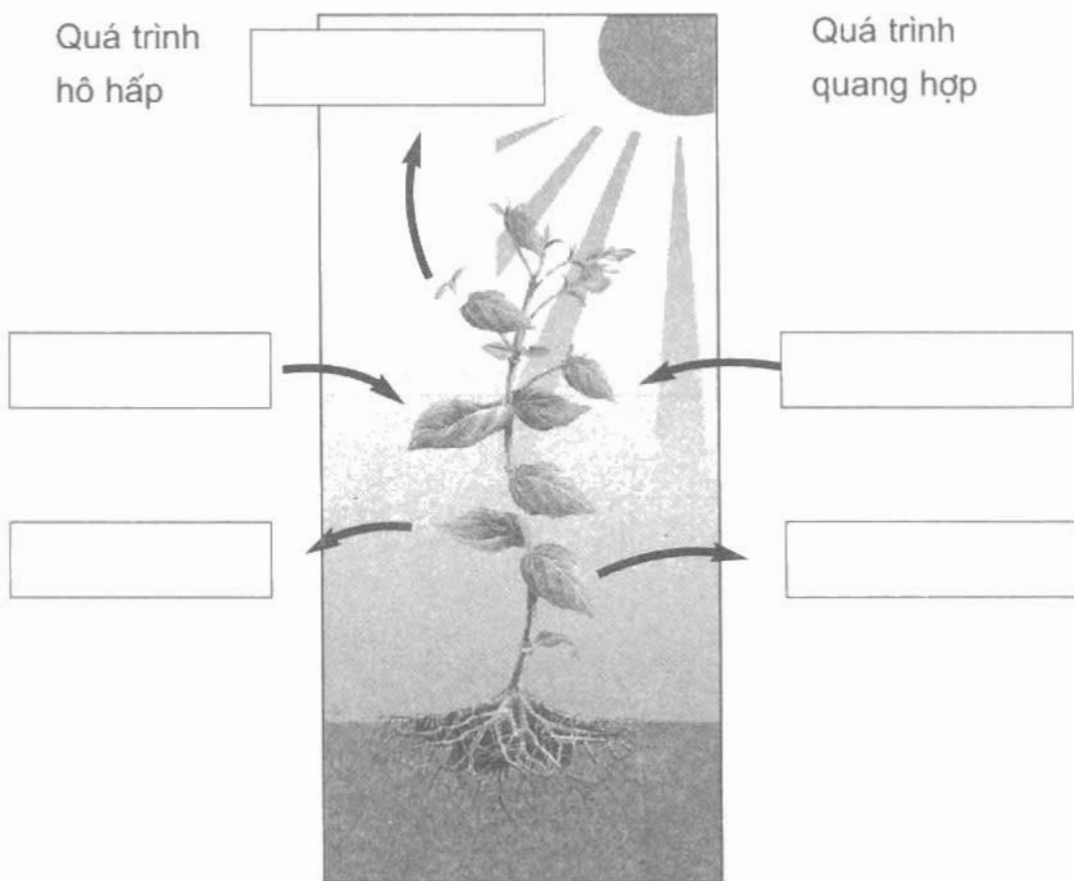
Bài 46 KHẢ NĂNG KÌ DIỆU CỦA LÁ CÂY

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Lá cây có chức năng gì ?

- ☐ Hô hấp (hút khí ô-xi, nhả ra khí các-bô-níc)
- ☐ Thoát hơi nước
- ☐ Quang hợp (hút khí các-bô-níc, nhả ra khí ô-xi)
- ☐ Cả ba ý trên

2. Quan sát hình vẽ dưới đây, điền vào cho phù hợp.



3. Viết tên một số lá cây được sử dụng để gói bánh, gói hàng, để làm thức ăn, làm thuốc vào bảng dưới đây :

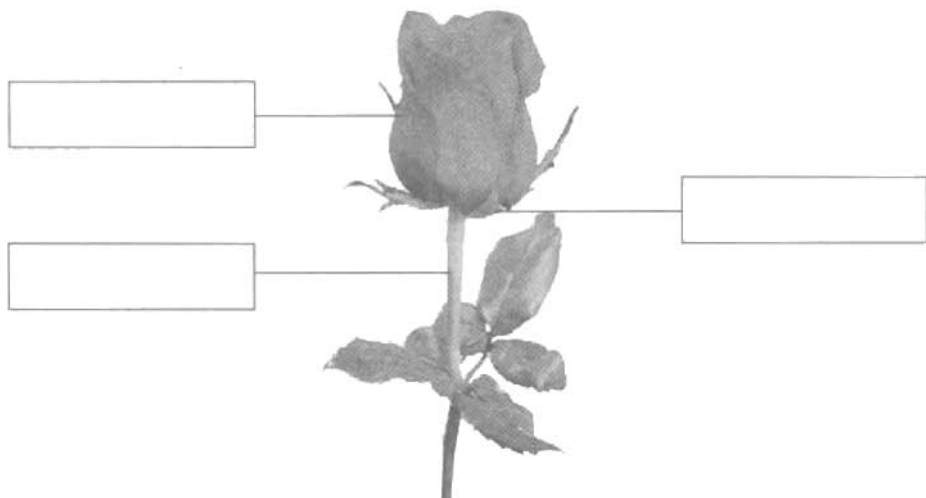
Tên cây	Ích lợi của lá cây
Sen,	Dùng để gói
.....	Dùng làm thuốc
.....	Dùng làm thức ăn

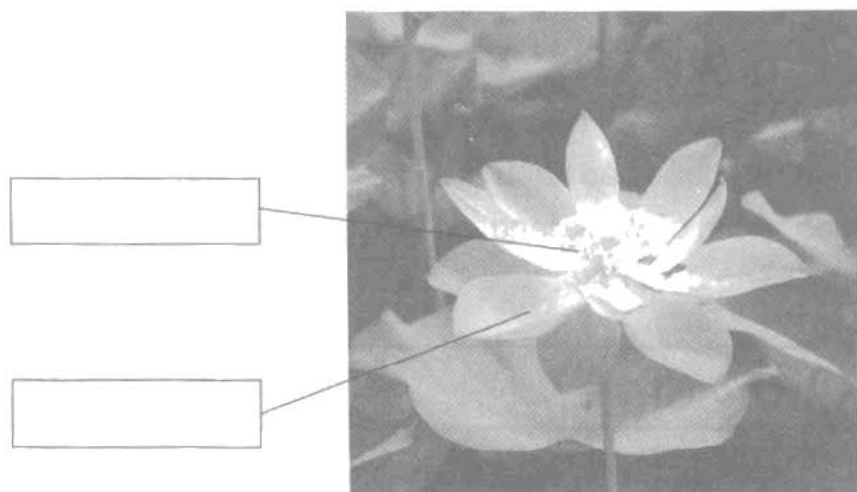
Bài 47 HOA

1. Sưu tầm một số hoa khác nhau (hoa thật hoặc tranh ảnh). Sắp xếp chúng theo nhóm có màu sắc, mùi hương, sau đó viết tên chúng vào bảng dưới đây :

Màu sắc				Mùi hương	
Trắng	Đỏ	Vàng	Tím	Thơm	Không thơm
Hoa nhài	Hồng nhung	Cúc vàng	Vi-ô-lét	Hoa nhài	Lay-ơn

2. Điền tên các bộ phận của hoa vào cho phù hợp.





3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

* Hoa có chức năng gì ?

☐ Hô hấp

☐ Quang hợp

☐ Sinh sản

☐ Vận chuyển nhựa

4. Viết tên một số cây có hoa được sử dụng để trang trí, để làm thức ăn, làm nước hoa vào bảng dưới đây :

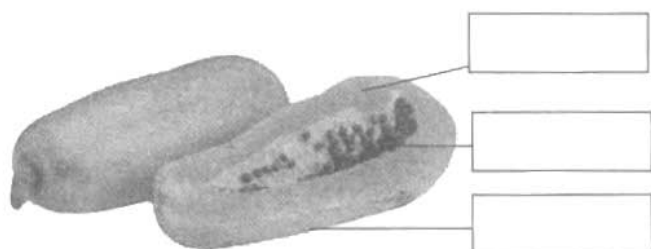
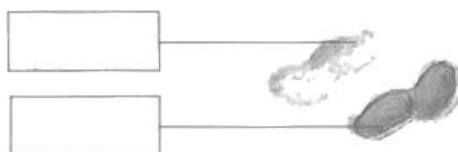
Tên cây	Ích lợi của hoa
.....	Dùng để trang trí
.....	Dùng để làm thức ăn
.....	Dùng để làm nước hoa

Bài 48 QUẢ

1. Sưu tầm một số quả khác nhau (quả thật hoặc tranh ảnh). Sắp xếp chúng theo nhóm có hình dạng, độ lớn giống nhau, sau đó viết tên chúng vào bảng dưới đây :

Hình dạng quả			Độ lớn của quả	
Cầu	Trứng	Thuôn dài	To	Nhỏ
Cam	Trứng gà (lê-ki-ma)	Chuối	Dưa hấu	Mơ
.....				
.....				
.....				
.....				

2. Điền tên các bộ phận của từng quả vào cho phù hợp.



3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

* Phần nào của quả trong điều kiện thích hợp có thể mọc thành cây mới ?

☐ Vỏ

☐ Thịt

☐ Hạt

4. Hoàn thành bảng sau :

Tên quả	Phần ăn được
Chuối	
Lạc (đậu phộng)	
Dưa hấu	
Xoài	

5. Người ta có thể sử dụng quả để làm gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 49 Đ ĐỘNG VẬT

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Trong số những con vật dưới đây, con vật nào to nhất ?

☐ Bò

☐ Hươu cao cổ

☐ Hổ

☐ Voi

b) Trong số những con vật dưới đây, con vật nào có mũi dài nhất ?

☐ Bò

☐ Hươu cao cổ

☐ Hổ

☐ Voi

c) Trong số những con vật dưới đây, con vật nào có cổ dài nhất ?

☐ Bò

☐ Hươu cao cổ

☐ Hổ

☐ Voi

d) Trong số những con vật dưới đây, con vật nào bé nhất ?

☐ Cóc

☐Ếch

☐ Ong

☐ Kiến

2. Quan sát các hình trang 94, 95 trong sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi :

a) Những con vật nào có đuôi ?

.....

b) Con vật nào không có đuôi ?

.....

c) Những con vật nào vừa có chân, vừa có cánh ?

.....

d) Những con vật nào có nhiều chân ?

.....

e) Những con vật nào có 4 chân ?

.....

g) Con vật nào biết bay ?

.....

h) Con vật nào biết bơi ?

.....

3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu đúng nhất.

* Trong tự nhiên có rất nhiều loài động vật khác nhau nhưng cơ thể của chúng đều có :

☐ Đầu và mình

☐ Đầu và cơ quan di chuyển

☐ Đầu, mình và cơ quan di chuyển

Bài 50 CÔN TRÙNG

1. Điền tên các bộ phận của con ong vào cho phù hợp.



2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Nhóm côn trùng có đặc điểm gì chung ?

- ☐ Không có xương sống
- ☐ Có 6 chân
- ☐ Chân phân thành các đốt
- ☐ Cả ba ý trên

3. Viết tên một số côn trùng :

a) Có ích đối với con người :

.....
.....

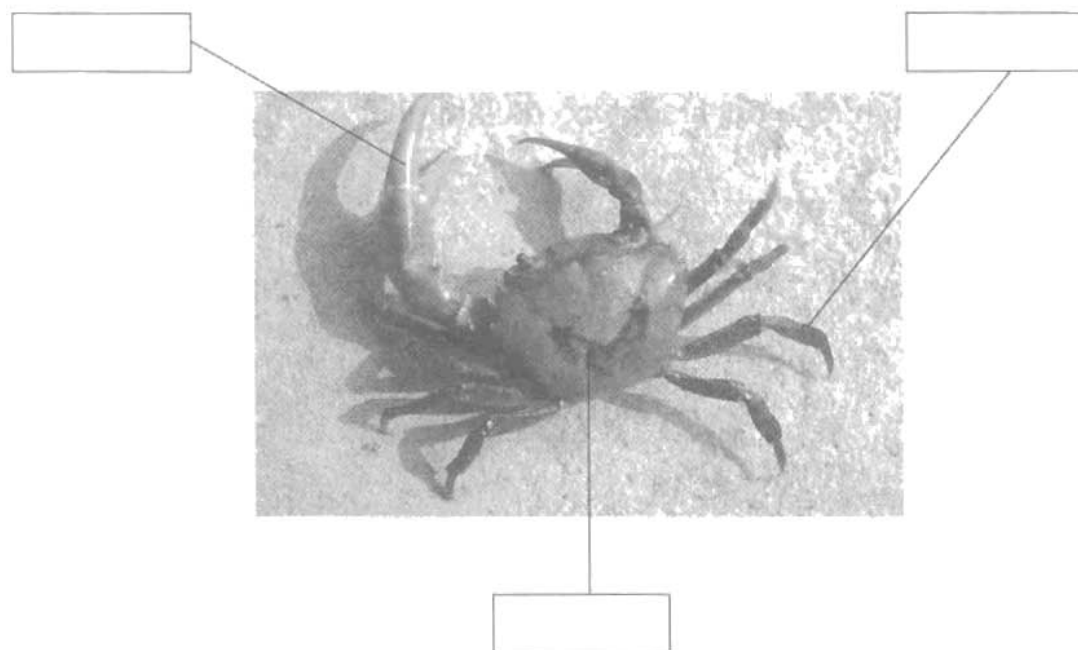
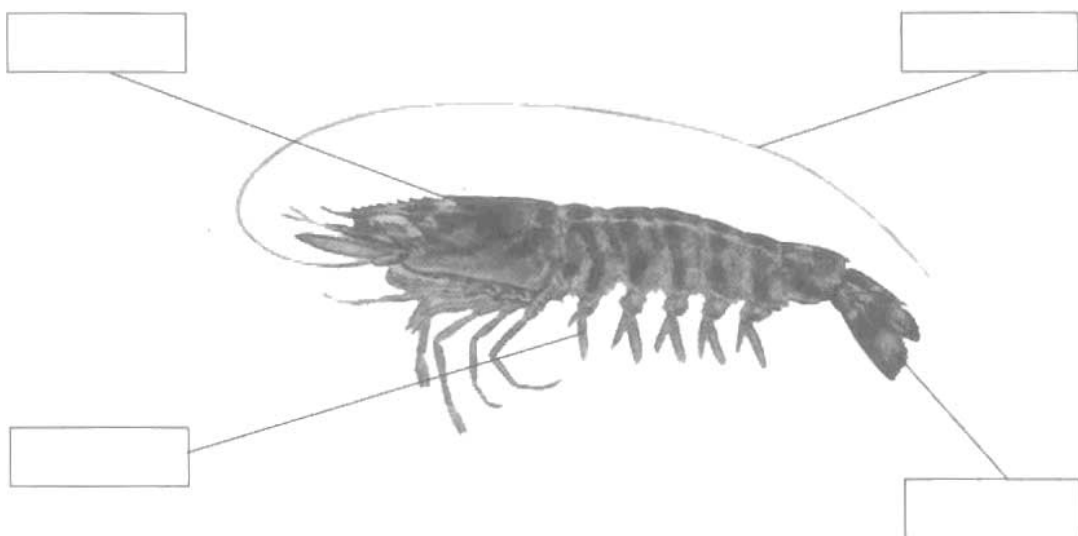
b) Có hại đối với con người :

.....
.....

Bài 51

TÔM, CUA

1. Điền tên các bộ phận của con tôm, cua vào cho phù hợp.



2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

a) Cơ thể tôm có gì đặc biệt ?

- ☐ Không có xương sống
- ☐ Có vỏ mỏng, cứng
- ☐ Có nhiều chân, chân phân thành các đốt
- ☐ Cả ba ý trên

b) Cơ thể cua có gì đặc biệt ?

- ☐ Không có xương sống
- ☐ Có vỏ cứng, có mai
- ☐ Có 8 chân và 2 càng được phân thành các đốt
- ☐ Cả ba ý trên

c) Cơ thể tôm và cua có đặc điểm gì chung ?

- ☐ Không có xương sống
- ☐ Có vỏ cứng
- ☐ Có nhiều chân, chân phân thành các đốt
- ☐ Cả ba ý trên

3. Tôm, cua thường được sử dụng để làm gì ?

.....

.....

.....

.....

Bài 52 CÁ

1. Viết tên một số loài cá mà bạn biết.

- Cá sống ở nước ngọt :

.....

.....

.....

- Cá sống ở nước mặn :

.....

.....

.....

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Trong số những con cá dưới đây, con nào có đuôi dài nhất ?

☐ Cá chim

☐ Cá đuối

☐ Cá ngừ

☐ Cá mập

b) Trong số những con cá dưới đây, con nào hung dữ nhất ?

☐ Cá chim

☐ Cá đuối

☐ Cá ngừ

☐ Cá mập

3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Cơ thể cá có đặc điểm gì chung ?

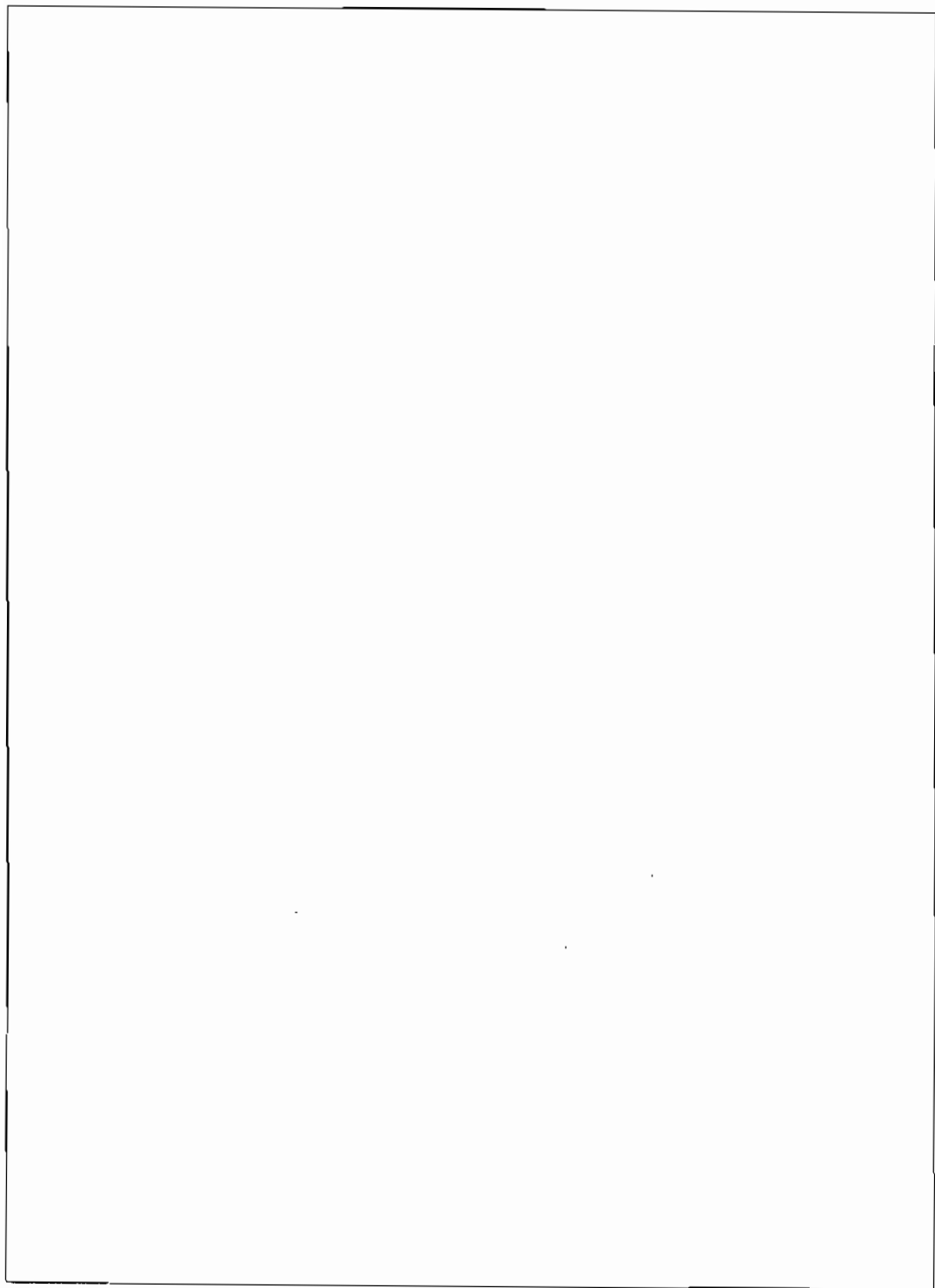
☐ Có xương sống

☐ Thở bằng mang

☐ Thường có vây, vây

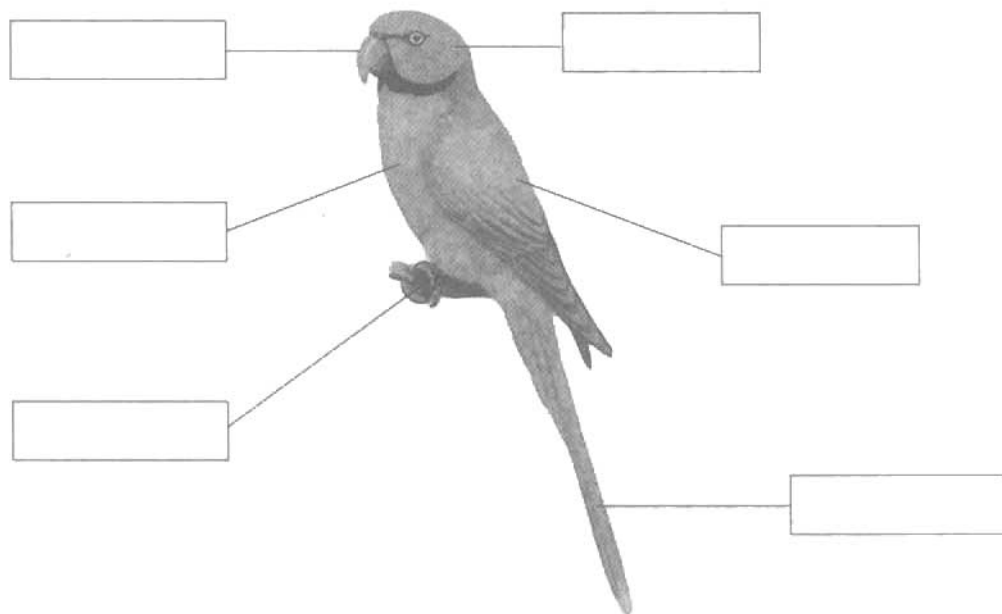
☐ Cả ba ý trên

4. Vẽ, tô màu và điền tên các bộ phận bên ngoài của một số con cá mà bạn thích.



Bài 53 CHIM

1. Điền tên các bộ phận của con chim vào cho phù hợp.



2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Trong số những loài chim dưới đây, loài nào biết bơi ?

☐ Vẹt

☐ Công

☐ Ngỗng

☐ Đà điểu

b) Trong số những loài chim dưới đây, loài nào có thể bắt chước tiếng người ?

☐ Vẹt

☐ Công

☐ Ngỗng

☐ Đà điểu

c) Trong số những loài chim dưới đây, loài nào chạy nhanh ?

☐ Vẹt

☐ Công

☐ Ngỗng

☐ Đà điểu

3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Cơ thể loài chim có đặc điểm gì chung ?

☐ Có xương sống

☐ Có mỏ, hai cánh và hai chân

☐ Có lông vũ

☐ Cả ba ý trên

Bài 54 THÚ

1. Quan sát các hình trang 104, 105 trong sách giáo khoa và hoàn thành bảng sau :

Hình	Tên con vật	Đặc điểm nổi bật	Ích lợi
1	Trâu		
2	Bò sữa		
3	Ngựa		
4	Lợn		
5	Dê		

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Loài thú có đặc điểm gì chung ?

- ☐ Có xương sống
- ☐ Có lông mao
- ☐ Đẻ con và nuôi con bằng sữa
- ☐ Cả ba ý trên

3. Vẽ, tô màu và điền tên các bộ phận bên ngoài của một con thú mà bạn thích.

Bài 55 THÚ (tiếp theo)

1. Quan sát các hình trang 106, 107 trong sách giáo khoa và kể tên các loài thú có một trong các đặc điểm sau :

- Con đực có bờm :
- Biết bay :
- Có sừng :

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Trong số các loài thú dưới đây, loài nào sống ở nơi băng tuyết ?

☐ Hươu sao

☐ Thỏ rừng

☐ Chó sói

☐ Gấu trắng

b) Trong số các loài thú dưới đây, loài nào sống trong hang ?

☐ Hươu sao

☐ Thỏ rừng

☐ Chó sói

☐ Sư tử

3. Trả lời các câu hỏi sau :

a) Các loài thú có trong hình trang 106, 107 thường sống ở đâu ?

.....

b) Kể tên một số việc cần làm để bảo vệ các loài thú rừng mà bạn biết.

.....

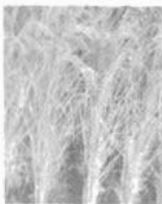
.....

.....

Bài 56 57

THỰC HÀNH : ĐI THĂM THIÊN NHIÊN

1. Hãy viết (hoặc vẽ) mô tả một số đặc điểm của từ 2 đến 3 cây bạn quan sát được sau khi đi thăm thiên nhiên vào bảng dưới đây :

Cây	Đặc điểm				
	Thân	Rễ	Lá	Hoa	Quả
 Lúa	Thảo	Chùm	Dài	Mọc thành chùm	 Có vỏ và hạt

2. Cây thường có những bộ phận nào ?

.....

3. Hãy viết (hoặc vẽ) mô tả một số đặc điểm của một vài con vật bạn quan sát được sau khi đi thăm thiên nhiên vào bảng dưới đây :

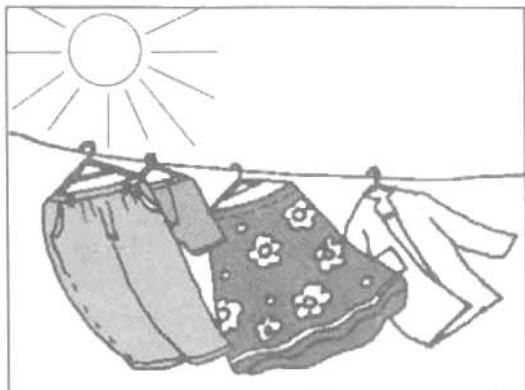
Con vật	Đặc điểm		
	Đầu	Mình	Cơ quan di chuyển
 Hoạ mi	Có mỏ cứng, có 2 mắt.	Có lông vũ bao phủ.	Có 2 chân, có 2 cánh.

Bài 58 MẶT TRỜI

1. Quan sát hình 1 trang 110 trong sách giáo khoa và điền vào chỗ cho phù hợp.

..... vừa chiếu sáng, vừa toả nhiệt. Nhờ có,
cây cỏ, người và động vật

2. Điền vào chỗ ... dưới mỗi hình để nêu rõ việc con người đã sử dụng nhiệt và ánh sáng mặt trời trong đời sống và sản xuất.



Phơi quần áo



.....



.....

.....

Bài 59

TRÁI ĐẤT QUẢ ĐỊA CẦU

1. Quan sát hình 1 và 2 trang 112 trong sách giáo khoa và đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

* Trái Đất có dạng :

☐ Hình tròn

☐ Hình vuông

☐ Hình cầu

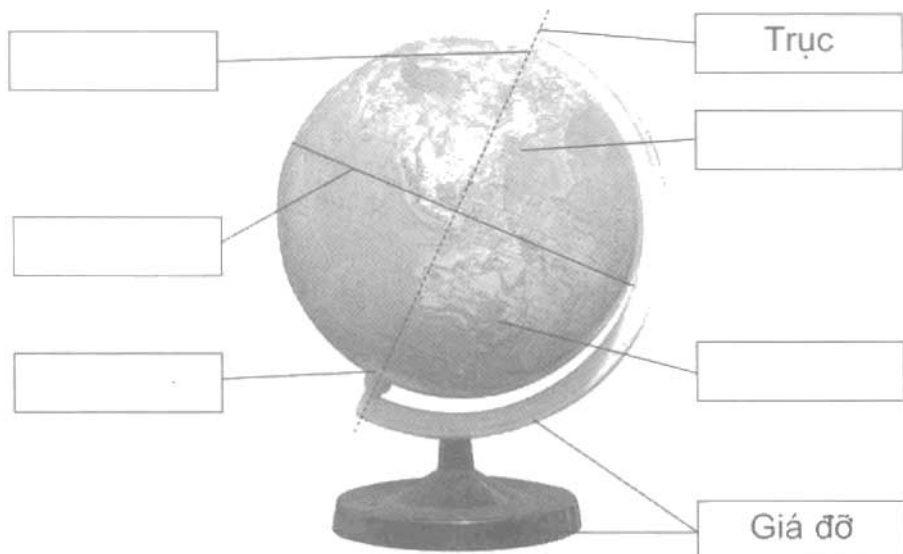
☐ Hình chữ nhật

2. Chọn từ và cụm từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp.

Quả địa cầu, Trái Đất, hình dung được, bề mặt Trái Đất

..... là mô hình thu nhỏ của Nó giúp ta
..... hình dạng, độ nghiêng và

3. Dựa vào hình quả địa cầu bạn hãy điền vào cho phù hợp :



4. Hãy đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

* Đặt quả địa cầu trên bàn, bạn hãy cho biết trục của nó như thế nào ?

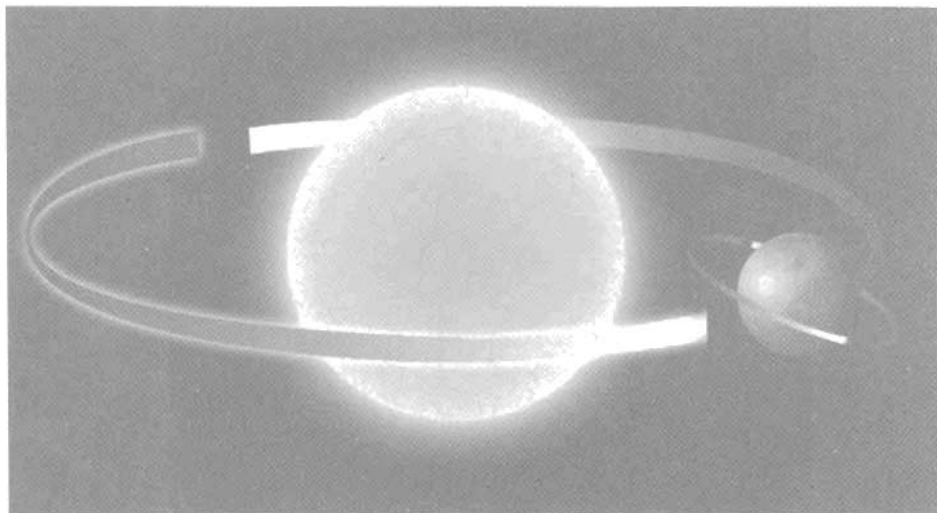
☐ Thẳng đứng

☐ Nghiêng so với mặt bàn

Bài 60 SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT

1. Quan sát hình dưới đây và vẽ mũi tên :

- Chỉ chiều Trái Đất tự quay quanh mình nó.
- Chỉ chiều Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.



2. Điền vào chỗ ... cho phù hợp.

Trái Đất vừa tự quay vừa
quanh Mặt Trời.

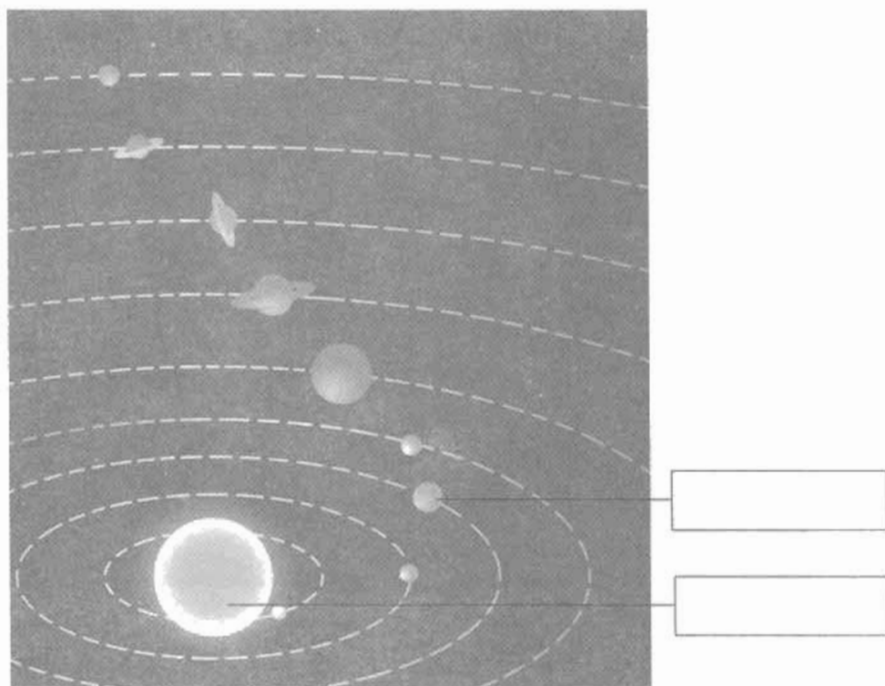
3. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

** Trái Đất tự quay quanh mình nó và đồng thời chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng :

- ☐ Từ Đông sang Tây
- ☐ Từ Tây sang Đông

Bài 61 TRÁI ĐẤT LÀ MỘT HÀNH TINH TRONG HỆ MẶT TRỜI

1. Viết vào cho phù hợp.



2. Quan sát hình trên và điền vào chỗ ... cho phù hợp.

- a) Trong hệ Mặt Trời có hành tinh.
- b) Từ Mặt Trời ra xa dần, Trái Đất là hành tinh thứ
- c) Trái Đất chuyển động quanh nên nó được gọi là
- d) Có hành tinh không ngừng chuyển động quanh Chúng cùng với tạo thành hệ

Bài 62

MẶT TRĂNG LÀ VỆ TINH CỦA TRÁI ĐẤT

1. Chọn từ trong khung để điền vào chỗ ... cho phù hợp.

vệ tinh, Mặt Trăng, vệ tinh nhân tạo

- a) chuyển động quanh Trái Đất.
b) Mặt Trăng được gọi là của Trái Đất.
c) Ngày nay, quay quanh Trái Đất còn có những
..... do con người phóng lên.

2. Điền tiếp các từ thích hợp vào chỗ ...

Trái Đất lớn hơn còn Mặt Trời lớn hơn
..... nhiều lần.

3. Quan sát hình 1 trang 118 trong sách giáo khoa và đánh dấu x vào
☐ trước câu trả lời đúng.

a) Trái Đất là :

- ☐ Vệ tinh của Mặt Trời
☐ Hành tinh của Mặt Trời
☐ Hành tinh của Mặt Trăng
☐ Vệ tinh của Mặt Trăng

b) Mặt Trăng là :

- ☐ Vệ tinh của Trái Đất
☐ Vệ tinh của Mặt Trời
☐ Hành tinh của Mặt Trời
☐ Hành tinh của Trái Đất

Bài 63 NGÀY VÀ ĐÊM TRÊN TRÁI ĐẤT

1. Quan sát hình 1 trang 120 trong sách giáo khoa và điền chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

☐ Nơi bạn ở đang là ban đêm, cùng lúc đó có nhiều nơi khác trên Trái Đất là ban ngày.

☐ Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời và tự quay quanh mình nó, vì thế mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm kế tiếp nhau.

☐ Khoảng thời gian phần Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng là ban ngày, phần còn lại của Trái Đất là ban đêm.

☐ Khi bạn đến trường học, khắp nơi trên Trái Đất đều là ban ngày.

2. Đánh dấu x vào ☐ trước câu đúng.

* Thời gian để Trái Đất quay trọn một vòng quanh mình nó là :

☐ Một ngày (24 giờ)

☐ Một tuần

☐ Một tháng

☐ Một năm

3. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Vì sao trên Trái Đất đều lần lượt có ngày, đêm và các mùa kế tiếp nhau ?

☐ Vì Trái Đất tự quay quanh mình nó

☐ Vì Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời

☐ Cả hai ý trên

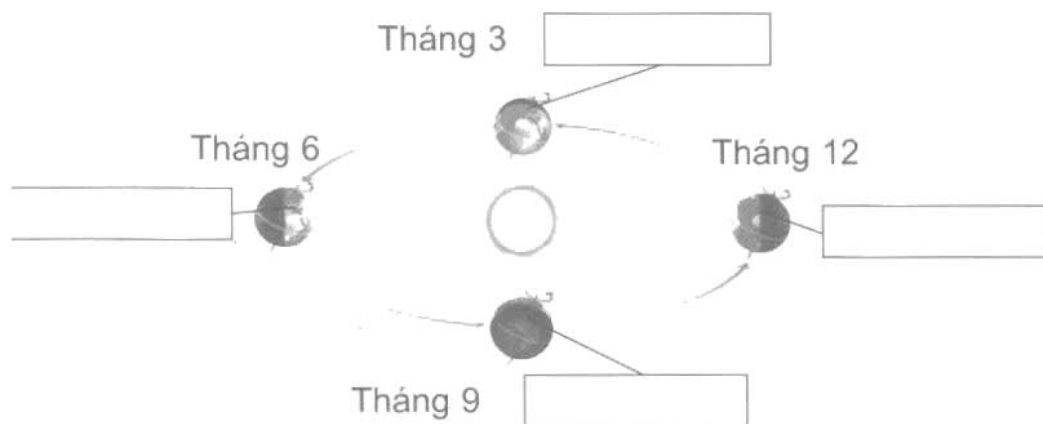
Bài 64 NĂM, THÁNG VÀ MÙA

1. Điền vào chỗ ... cho phù hợp.

Một năm :

- Có tháng
- Có ngày, hoặc ngày
- Có các mùa là :

2. Điền tên mùa vào trong hình dưới đây cho phù hợp.



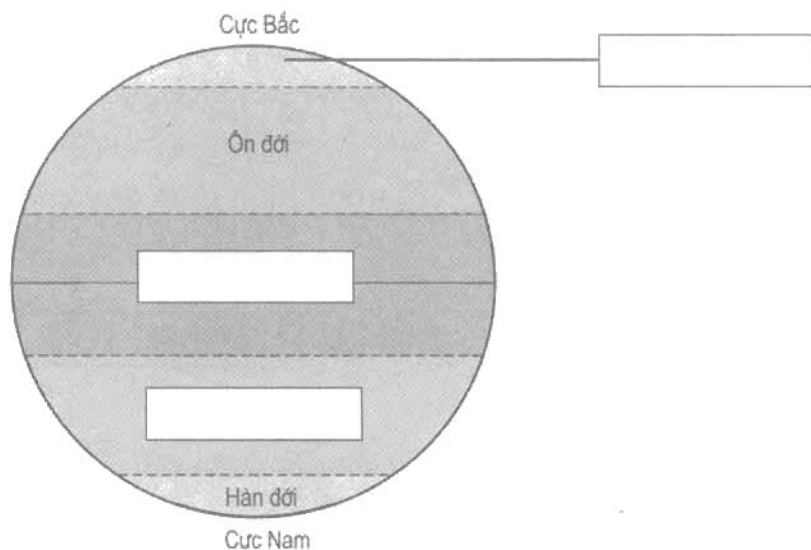
3. Điền tên các mùa vào chỗ ... cho phù hợp.

Ở Bắc bán cầu	Ở Nam bán cầu
Mùa hạ	Mùa đông
.....	Mùa hạ
Mùa xuân	
.....	

Bài 65 CÁC ĐỚI KHÍ HẬU

1. Chọn từ trong khung để điền vào cho phù hợp.

hàn đới, ôn đới, nhiệt đới



2. Hãy viết tên và đặc điểm của từng đới khí hậu vào bảng sau :

Tên đới khí hậu	Đặc điểm
Hàn đới	
.....	
.....	

3. Quan sát hình 2 trang 125 trong sách giáo khoa và cho biết :
Việt Nam nằm ở đới khí hậu nào ?

.....

Bài 66 BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

1. Quan sát quả địa cầu, đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng nhất.

* Bề mặt Trái Đất gồm :

☐ Phần đất

☐ Phần nước

☐ Cả phần đất và phần nước

2. Tô màu vào phần các châu lục (màu vàng hoặc màu nâu), và vào phần các đại dương (màu xanh nhạt). Điền tên vào vị trí từng châu lục và đại dương ở lược đồ dưới đây :

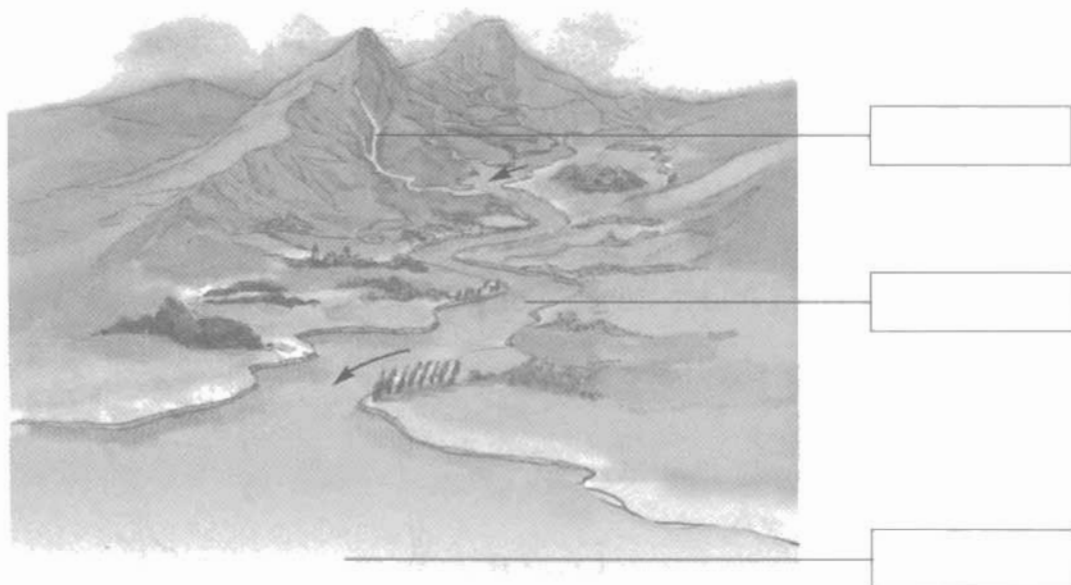


3. Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, vậy Việt Nam thuộc châu lục nào ?

.....

Bài 67 BỀ MẶT LỤC ĐỊA

1. Điền từ phù hợp (sông, suối, biển) vào trong hình dưới đây :



2. Viết vào chỗ ... trong bảng sau :

	Mô tả
Sông, suối	Những dòng nước chảy trên bề mặt lục địa.
Ao, hồ	
Biển và đại dương	

3. Bạn hãy kể tên một vài con sông, suối, hồ mà bạn biết.

- Sông :
- Suối :
- Hồ :

Bài 68 BỀ MẶT LỤC ĐỊA (tiếp theo)

1. Đánh dấu x vào ☐ trước câu trả lời đúng.

a) Núi có đặc điểm gì ?

- ☐ Thấp, bằng phẳng, rộng lớn
- ☐ Cao, đỉnh nhọn, sườn dốc
- ☐ Tương đối cao, đỉnh tròn, sườn thoải
- ☐ Cao, có sườn dốc, tương đối bằng phẳng, rộng lớn

b) Đồi có đặc điểm gì ?

- ☐ Thấp, bằng phẳng, rộng lớn
- ☐ Cao, đỉnh nhọn, sườn dốc
- ☐ Tương đối cao, đỉnh tròn, sườn thoải
- ☐ Cao, có sườn dốc, tương đối bằng phẳng, rộng lớn

c) Cao nguyên có đặc điểm gì ?

- ☐ Thấp, bằng phẳng, rộng lớn
- ☐ Cao, đỉnh nhọn, sườn dốc
- ☐ Tương đối cao, đỉnh tròn, sườn thoải
- ☐ Cao, có sườn dốc, tương đối bằng phẳng, rộng lớn

d) Đồng bằng có đặc điểm gì ?

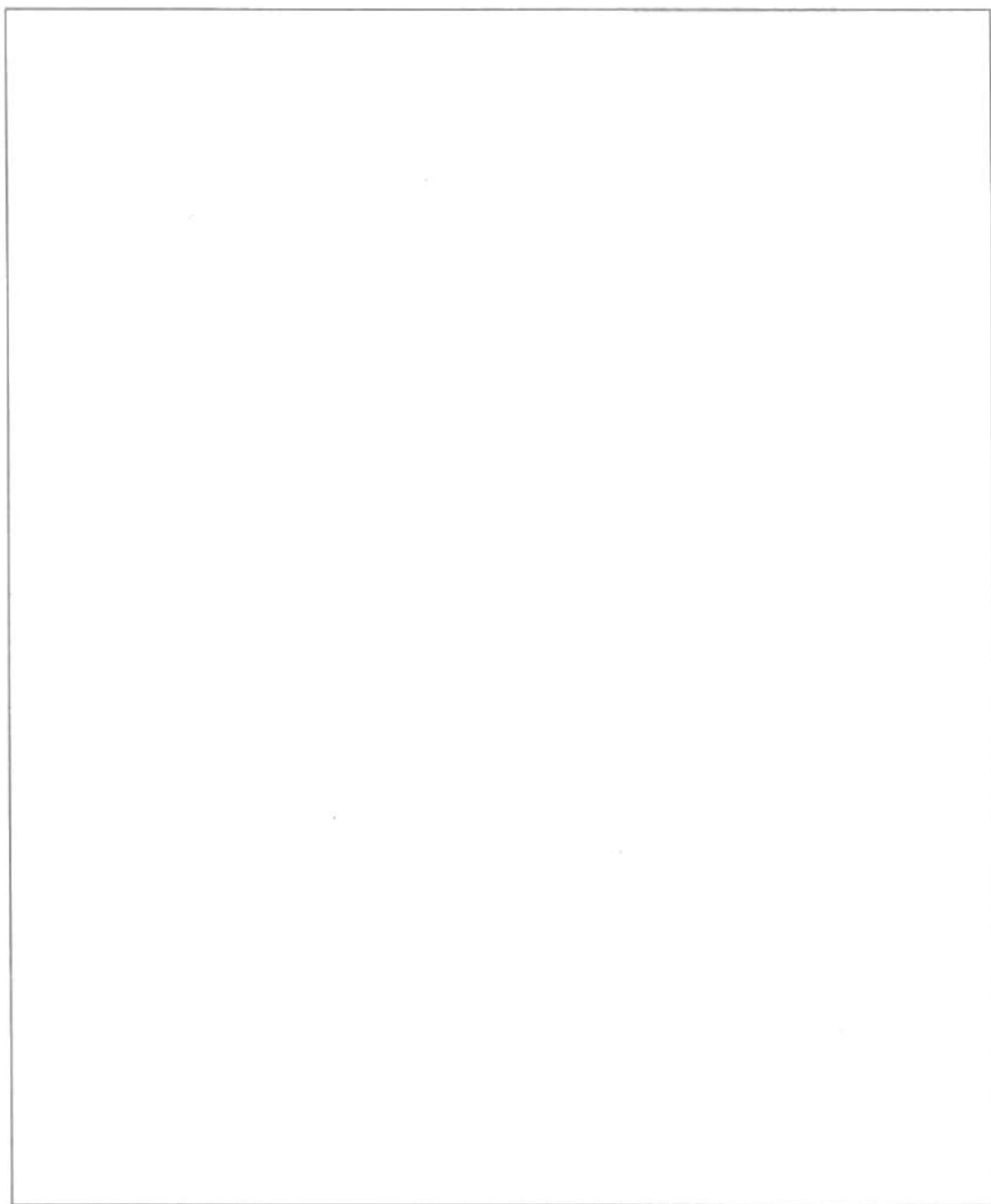
- ☐ Thấp, bằng phẳng, rộng lớn
- ☐ Cao, đỉnh nhọn, sườn dốc
- ☐ Tương đối cao, đỉnh tròn, sườn thoải
- ☐ Cao, có sườn dốc, tương đối bằng phẳng, rộng lớn

2. Viết tên địa phương nơi bạn sống. Nơi đó thuộc loại địa hình nào ?
(đồng bằng, cao nguyên, vùng núi, ven biển,...)

- Tên địa phương (xã, phường) :

- Thuộc loại địa hình :

1. Vẽ cảnh thiên nhiên nơi bạn sống (lưu ý thể hiện được nơi đó là miền núi, đồng bằng, cao nguyên hay ven sông, ven biển,...).



2. Kể tên đồng bằng, cao nguyên mà bạn biết.

- Đồng bằng :

- Cao nguyên :

3. Viết vào chỗ ... trong bảng sau :

Tên nhóm động vật	Tên con vật	Đặc điểm
Côn trùng	Muỗi	Có đầu, ngực, bụng, 6 chân và 2 cánh mỏng
Cá		
Chim		
Thú		

4. Viết tên 3 cây phù hợp vào chỗ ...

a) Các cây có thân :

- Đứng :
- Leo :
- Bò :

b) Các cây có thân :

- Gỗ :
- Thảo :

c) Các cây có rễ :

- Cọc :
- Chùm :

d) Các cây có hoa :

- Màu đỏ :
- Màu vàng :
- Màu trắng :
- Màu tím :

VỞ BÀI TẬP TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

Mã số : 1B310T1

In 100.000 cuốn (08BT); khổ 17 x 24 cm, tại Công ti cổ phần in Nam Định.

Số in: 16. Số xuất bản: 01-2011/CXB/706-1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2011.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỀN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

VỞ BÀI TẬP DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3

1. Vở bài tập Tiếng Việt 3 (tập một, tập hai)
2. Vở bài tập Toán 3 (tập một, tập hai)
3. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 3
4. Vở bài tập Đạo đức 3
5. Vở Tập vẽ 3
6. Tập bài hát 3
7. Let's Learn English - Book 1 - Workbook

Bạn đọc có thể mua sách tại các Công ty Sách – Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam :

- Tại TP. Hà Nội : 187 Giảng Võ ; 232 Tây Sơn ; 23 Tràng Tiền ;
25 Hàn Thuyên ; 32E Kim Mã ;
14/3 Nguyễn Khánh Toàn ; 67B Cửa Bắc.
- Tại TP. Đà Nẵng : 78 Pasteur ; 247 Hai Phòng.
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 104 Mai Thị Lựu ; 2A Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 ;
240 Trần Bình Trọng ; 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5.
- Tại TP. Cần Thơ : 5/5 Đường 30/4.
- Tại Website bán sách trực tuyến : www.sach24.vn

Website: www.nxbgd.vn



Giá: 6.300đ